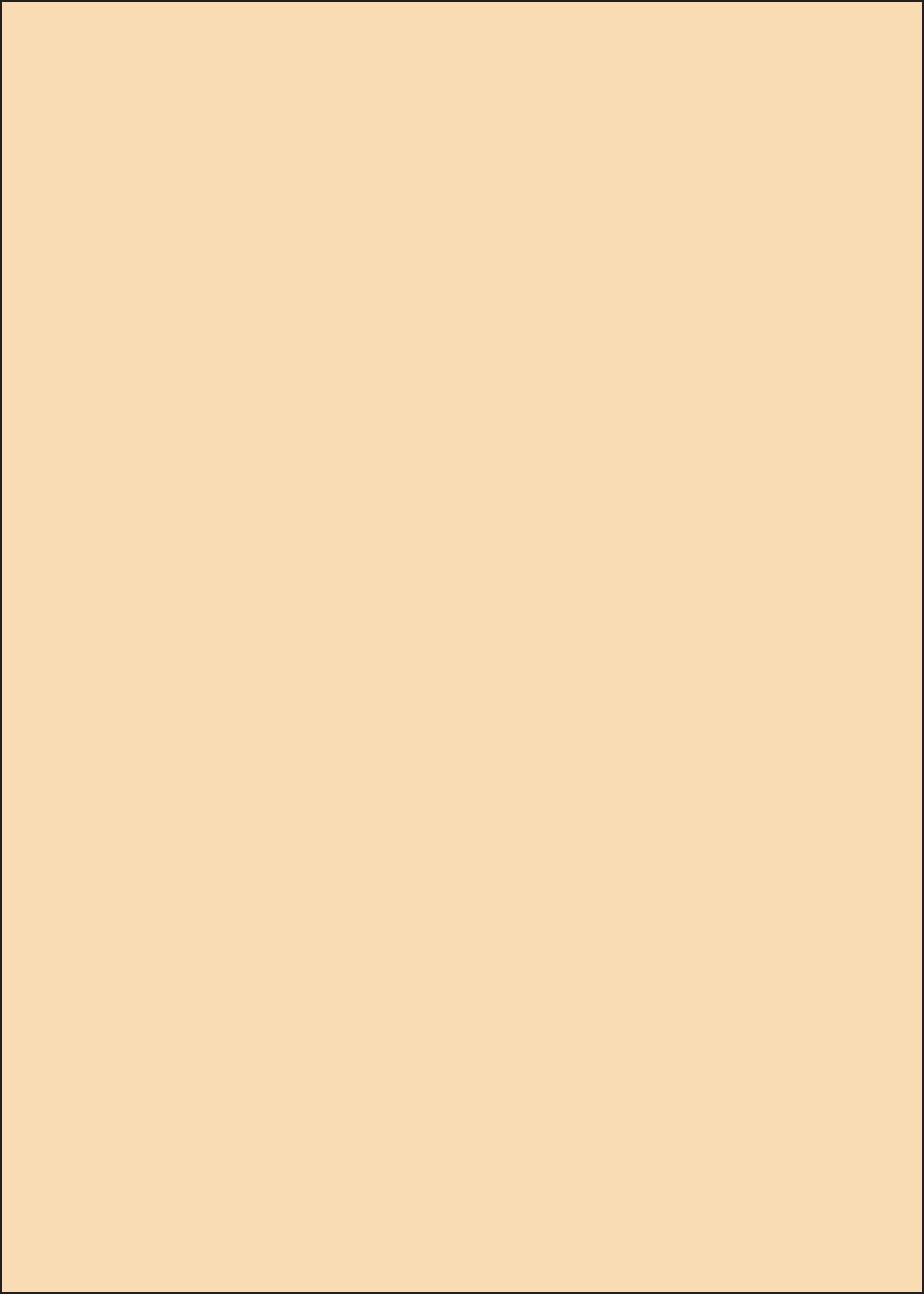


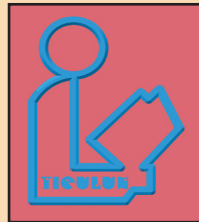
DÂN
QUỐC
SỸ

H
O
A



U HOÀI

ĐOÃN QUỐC SỸ



MỤC LỤC

U Hoài	5
Chàng Nhạc Sĩ	36
Tiếng Địch Quê Hương	68
Niềm U Hoài của Doãn Quốc Sỹ	99
TIỂU SỬ	102
TÁC PHẨM	104

U Hoài

I

Mỗi sâu của Huy lớn quá. Chàng bỏ Hà Nội vào ở hẳn Sài Gòn.

Trước Hiệp định Genève nửa năm !

Tới Sài Gòn ông giám đốc trường Mỹ Thuật biết tài chàng, cố đến tìm để mời chàng vào ban giáo sư. Chàng từ chối rồi lang thang đi khắp lục tỉnh : chàng đi tìm một khuôn mặt u hoài với những nét sâu vời vợi.

Có ai ngờ đời chàng hồn nhiên là vậy, khi yêu Khanh tình chàng dịu dàng trong sáng là vậy mà lại có ngày lòng chàng tan nát như gương vỡ, đau đớn như những chuyện tình đau đớn nhất trên thế gian ?

Huy vào trường Mỹ Thuật từ năm 1940. Hồi đó chàng mới mười sáu tuổi. Thời gian đầu tuy rất mê say với màu sắc và đường nét nhưng sử dụng hòn than còn non nớt lắm. Hai năm sau trường Mỹ Thuật phải dời lên Sơn Tây để tránh bom đạn. Cảnh Sơn Tây đẹp và thơ mộng như tranh Tàu, người Sơn Tây mộc mạc và thủy chung, cuộc sống nơi đây thật thần tiên, thú vị. Trường Mỹ Thuật đặt ngay tại Văn Miếu, xung quanh có thông reo, bên cạnh là con sông nhỏ uốn khúc quanh co, nước thăm thẳm như màu cánh gián và lấp loáng như bạc. Có

lẽ Huy thích sơn mài vì những kỷ niệm đó.

Trong suốt thời gian ở Sơn Tây, Huy chỉ được học vẽ sơn dầu nhưng chàng đã cảm thấy quá say mê sơn mài. Có nhiều hôm chàng đứng mê mải hàng giờ xem các bạn học năm thứ năm làm sơn mài. Muốn vẽ lắm nhưng không có sơn ! Nhà trường chỉ phát vật liệu làm sơn mài cho năm thứ năm thôi, Huy khi đó mới là sinh viên năm thứ tư.

Sau đấy xảy ra nạn đói, gia đình Huy lại sa sút. Nhưng hễ được cầm bút vẽ là sướng rồi, vì vậy mặc dầu ngày ăn hai lần cháo nấu với lá rau cải, Huy vẫn cuốc bộ một cách tung bưng đến trường ở tận Văn Miếu.

Huy vùi đầu suốt năm thứ năm vào sơn mài, mà đến cuối khóa học chàng còn thấy ngỡ ngàng về kỹ thuật.

Rồi chàng phải tản cư ra hậu phương, vào một xưởng họa. Ở đây chàng có dịp cộng tác với thầy cũ về sơn mài. Tám tháng sau, xưởng họa giải tán vì quỹ hết tiền, Huy phải đi lên Bắc Kạn. Thật là Bắc Kạn : nước cạn, người cạn, cảnh khô cạn, và nghệ thuật nông cạn. Ở đây chỉ được vẽ tranh lên cát. Được tám tháng, nhân dịp giã chính, Huy xin về thăm gia. Hơn một năm sau chàng cùng gia đình hồi cư.

7 | U Hoài

Về tới Hà Nội, Huy mở xưởng thực hành sơn mài. Lần này kỹ thuật đã đạt nên chàng sung sướng nhận thấy rằng nếu nắm vững được căn bản về dessin, có được một quan niệm đúng về hội họa với một nguồn rung cảm tế nhị và mãnh liệt thì khi chuyển sang địa hạt sơn mài rất chóng thành công. Tuy rất nhũn nhặn, chàng cũng tự nhận mình đã có đủ ngàn nhiều điều kiện. Đồng thời chàng khởi công tìm thêm một màu nữa cho sơn mài : màu xanh. Rất nhiều khi nửa đêm chàng vùi ngòi dây trí tưởng tượng dẹt mọng sự nghiệp tương lai.

Chàng ước vọng đưa sơn mài đi du ngoạn sang thế giới ngậy thơ chất phác của tác giả vô danh Việt Nam trong những bức tranh Tết : gà, lợn, trèo dừa; hay của tác giả Tây phương như Henri Rousseau. Chàng ước vọng đến một thế giới đầy những tâm hồn ưa giản dị, ưa thoải mái, ưa những nét vẽ tự do và màu sắc tươi trẻ như Henry Matisse.

Chàng ước vọng đến khu rừng ẩn hiện những thần linh, ma quái, đầy những sự thắc mắc lo âu đến số kiếp huyền bí của con người.

Chàng ước vọng những màu sắc lạ lùng của Gauguin những ảo tưởng thanh cao và kỳ diệu về hăng nga của Chagall.

Chàng ước vọng đến vũ trụ của những tâm hồn nhân đạo, những tâm hồn đầy bão táp và phấn đấu như Nguyễn Du, Beethoven, Van Gogh, Goethe... Ở đây có những hương lạ mê ly, những lời thơ tuyệt diệu, những âm thanh kỳ ảo; ở đây không phân biệt màu sắc, âm thanh mà chỉ biết có mê say, mê mải với cái đẹp vô tận.

Thường thường chỉ ánh sáng ban mai mới lôi kéo được chàng ra khỏi cuộc viễn du êm đẹp như thế và chàng tin tưởng mình có thể thể hiện những khả năng phong phú đó của sơn mài. Chàng tự hứa : trong một thời gian ngắn nữa chàng phải tìm ra được màu xanh cho sơn mài.

Đúng vào dịp đó có đại hội học sinh toàn thành. Ban kịch trường nữ trung học Trưng Vương đến khẩn khoản mời chàng phụ trách giúp về hóa trang và bài trí. Huy hóa trang cho Khanh, nhận thấy nàng có vầng trán thoải mái với mấy sợi tóc uốn rủ xuống, đường mũi thẳng, miệng nhỏ, cằm xinh; dưới làn mi cong dài, hai con mắt thăm thẳm. Huy liên tưởng tới khi chàng mài những tấm gỗ đã dán một lần vải, đã trát ba lần sơn sống và ba lần sơn then. Màu sơn sống thoát trắng ngà như sữa, sau khi dùng một miếng gỗ để mài, màu trắng sữa trở nên màu cánh gián và trong thăm thẳm như hổ phách. Chàng biết Khanh đẹp, nhưng vẻ đẹp ấy như chìm thẳng vào tiềm thức rồi lẫn vào những vẻ đẹp khác chàng đang thu

9 | U Hoài

thập, bởi vậy ngay lúc nhìn Khanh mà tâm hồn chàng như bay về đâu đâu. Về phần Khanh, nàng có cảm tình với Huy ngay từ buổi đầu. Nàng thấy Huy luôn luôn có thái độ ngộ nghĩnh của một người chợt nghĩ ra điều gì thì vội vã làm điều ấy.

Màn đầu vở nhạc kịch vừa hết, Khanh chạy lại hỏi Huy :

- Anh xem em đóng kịch thế nào ?

Huy vẫn nhìn thẳng nàng, nhưng tâm hồn xa xôi, chàng đáp :

- Tôi thích cô lúc nói, hơn lúc hát. Hình như hồi xưa khi còn nói tiếng người, lời chim cũng giống như lời cô.

Khanh mỉm cười sung sướng đưa mắt nhìn Huy. Nhưng chàng đã đi thẳng ra bàn hóa trang, vẻ mặt không hề đổi khác, tưởng như lời vừa rồi là lời của ai. Khanh hơi khó chịu.

Buổi diễn tối hôm sau, vừa lúc Khanh bước vào phòng tài tử nàng đã thấy Huy ngồi đó đang hí hoáy sửa bức vẽ phác một nữ diễn viên ngồi trước bàn gương hóa trang. Có vài nét hao hao giống nàng. Khanh tới bên Huy giây lâu chàng mới biết. Thấy Huy cười, Khanh nói :

- Mới chỉ có vài nét phác mà em đã thấy bức họa của anh tuyệt đẹp.

Huy đáp, giọng nhẹ nhàng, trôi chảy và rất tự nhiên :

- Tác phẩm tuyệt tác nhất của tôi khi đặt bên các cô cũng khiến tôi phải sững sùng. Nhan sắc của các cô là tác phẩm của trời, tác phẩm của người bì sao nổi. Các cô là cung nga, chúng tôi là mục đồng :

Vụng về cũng thể cung nga,
Trăm khôn ngàn khéo chẳng qua mục đồng.

Mắt Khanh sáng ngời, nàng mỉm cười sung sướng nhưng nàng vội nghiêm nét mặt lại ngay vì sau lời nói có vẻ bay bướm đó Huy tiếp tục hí hoáy vẽ như thường.

Khanh hơi bĩu môi nghĩ thầm :

- Người gì người lạ !

Sau những ngày đại hội có lẽ Huy quên Khanh - (vì chàng còn phải tìm cách pha màu xanh) - nếu không có một ngày kia chàng gặp Khanh ở đầu phố Tràng Tiền và chợt nghĩ vừa đúng giờ có thể tạt vào rạp Cirox xem một phim hay để tạm giải trí. Chàng rủ Khanh.

Khanh nghĩ thầm : « Anh chàng mời mình y như mời người bạn giai. »

11 | U Hoài

Và Khanh nhận lời.

Quả nhiên từ lúc Huy đi với nàng vào rạp xinê đến lúc tan, từ dáng điệu đến lời nói, Huy coi nàng như người bạn giai thật. Tuyệt nhiên không có cả lời hỏi xem nhà nàng ở đâu.

Sau đó Huy tiếp tục tìm pha màu xanh và... quên Khanh.

Sau mấy lần pha non, không đúng độ, màu xanh hơi đen. Sau mấy lần pha quá độ, màu xanh bở và đục. Rồi một ngày sung sướng kia chàng đã đạt được kết quả mong đợi. Chàng pha đúng độ : một màu xanh trong như ngọc xuất hiện sau nửa ngày hì hục mài. Nhưng dạo đó đương vào mùa lạnh, chàng lại chưa có kinh nghiệm để biết rằng, màu xanh cần để khô một thời gian hơi lâu hơn các màu khác, chàng vội mài sớm, sơn còn mềm nên lại hỏng. Huy mất cả một ngày để mài bỏ.

Hôm sau chàng mang theo giấy và bút chì định bụng đi lấy croquis suốt ngày.

Tới đầu đường Cổ Ngư, bên chùa Quan Thánh, Huy gặp Khanh, chàng rủ Khanh cùng đi với chàng vào vườn Bách Thảo xem chàng lấy croquis.

Khanh lại nghĩ thầm :

- Anh chàng rủ mình y như rủ người bạn giai.

Và nàng cũng nhận lời, cho mình đi như vậy là vì hiếu kỳ nhiều hơn.

Vào tới vườn Bách Thảo chàng ngồi phệt xuống bên lề bãi cỏ xanh, quăng tập giấy sang một bên, rồi ngẩng nhìn hàng cây cao vút im lặng.

Khanh hỏi :

- Anh định lấy croquis ở đây ?

Huy lơ đãng nhìn nàng - (Khanh đã từng khó chịu vô cùng về thái độ lơ đãng đó) - rồi nói :

- Tuy đây chỉ là một mảng thiên nhiên lọt vào giữa kinh thành, nhưng không vì thế mà kém phần cao rộng. Trước thiên nhiên cao rộng người ta thường ít lời bởi mình muốn nói gì, thiên nhiên đã nói hộ. Người ở tỉnh thành như ếch ngồi đáy giếng bép xép là phải !

Khanh nói mỉa :

- Hình như anh đang bép xép thì phải !

Huy cười :

- Tôi xin lỗi !

13 | U Hoài

Khanh làm vẻ quay đi nói :

- Thôi em về.

Khanh định nói vậy để Huy mời mình ở lại đậm đà hơn, không ngờ Huy với cặp giầy rồi nói :

- Cô về à ? Tôi về vậy.

Khanh phải về thật. Hình như lòng tự ái bị xúc phạm. Cha Khanh là một người khá nghiêm khắc. Việc trước đây vào xem xi-nê với Huy, rồi lần này đi cùng chàng vào vườn Bách Thảo - tuy chỉ trên một quãng đường ngắn - nhưng cũng là một sự liều, một hy sinh lớn không đảm bảo về phần Khanh. Vậy mà Huy đối với nàng như vậy. Nàng tự thề lần sau gặp Huy nàng sẽ tránh sang lối khác, vạn bất đắc dĩ có chạm trán, nàng sẽ quay đi không thèm chào.

Sau hai giờ lấy croquis, Huy thấy nhớ màu xanh, chàng lập tức thuê xe hẩy bỏ về. Sau một tuần tận tụy, lần này chàng thành công hoàn toàn.

Chao ôi ! Với màu xanh trong như ngọc, huyền bí như ánh trăng, thăm thẳm như biển cả này của sơn mài, chàng nhất định sẽ làm sống lại những bóng giai nhân trong Truyền Kỳ Mạn Lục, trong Liêu Trai.

Với chàng nhất định sơn mài sẽ chuyển sang một hòa sắc mới.

Tình cảm nhẹ nhàng có thủy mạc, sôi nổi rạo rức có sơn dầu, nhưng tình cảm kín đáo, trầm lặng, sâu sắc và mãnh liệt - đúng tình cảm của quê hương đất nước - thì chỉ có thể thể hiện bằng sơn mài. Ở sơn mài điều cần nhất nghệ sĩ phải gìn giữ rung cảm sao cho được lâu bền, từ khi vẽ đến khi mài xong.

Huy nghĩ : « Như thế có lẽ chỉ người Việt Nam mới có thể thành đạt được trong nghệ thuật sơn mài. »

Chiều hôm đó Huy gặp Khanh ở cửa chợ Đồng Xuân. Chàng chợt thấy mình rất cần một người kiểu mẫu để thực hiện một bức Liêu Trai. Chàng mời Khanh liền, xin nàng sáng mai lại đăng xưởng vẽ.

Chàng nói thêm :

- Công việc tôi phiền cô để lấy croquis chỉ trong nửa giờ là cùng.

Khanh đã toan từ chối ngay, nhưng không hiểu nghĩ sao nàng lại nhận lời và cũng tự cho nhận lời như vậy là vì hiếu kỳ nhiều hơn.

Đêm hôm đó Huy thức giấc vào ba giờ sáng. Ngẩng nhìn trời thấy trăng hạ tuần sáng vằng vặc trên đỉnh một

15 | U Hoài

cây me cao vút, bỗng nhiên chàng cảm thấy mình cô độc như trăng khuya và lạnh lẽo như sương bạc.

Đúng giờ hẹn hôm sau Khanh lại.

Huy nhìn nàng chân thành như vừa tỉnh giấc mơ xa, tiến lại rồi nói :

- Đêm hôm qua ngắm trăng hạ tuần mới chợt thấy rằng tôi yêu Khanh. Tôi chắc tôi đã yêu Khanh trong tiềm thức từ lâu lắm rồi.

Chàng nắm lấy tay Khanh, cúi xuống toan hôn nàng. Trong một thoáng rất nhanh, Khanh nghĩ : « Anh chàng chợt nhiên yêu mình thì tình yêu bền vững sao được ? »

Nàng bèn vùng đứng dậy chạy ra. Tới cửa, nàng quay lại nói :

- Anh yêu em thì phải tới đăng nhà chính thức xin phép thầy mẹ em mới được.

Huy đáp ngay :

- Nhứt định chúng ta sẽ thành đôi bạn trăm năm Khanh ạ.

Nàng ra khỏi nhà được một quãng, nghe thấy tiếng chàng hét hoảng gọi giục :

- Khanh ơi, nhà em ở đâu ?

Được nàng cho biết rồi, chàng đảo vôi về thắt vôi chiếc cravate, mặc vôi chiếc veston rồi đi thẳng, tưởng có thể đuổi kịp nàng và cũng chẳng để ý rằng đến giờ đó cha nàng nhất định chưa đi làm về. Con sen ra mở cửa mời chàng vào ngồi đợi ở phòng khách. Chàng âu yếm nhìn nàng vừa xuất hiện, hai tay bưng khay nước. Nàng đã thay đồ chóng thế : quần và áo lụa đen mịn càng làm tôn màu da ngà ngọc.

- Thầy mẹ cùng đi vắng hờ em ?

Nàng mỉm cười nhìn chàng gạt đầu rồi trịnh trọng đặt tách nước trước mặt chàng.

Hai người nhìn nhau.

Đôi mắt nàng thoáng vẻ hóm hỉnh; còn Huy, chàng nhìn như muốn tìm linh hồn mình trong đáy mắt của nàng.

Huy nói :

- Vừa đi tới đây vừa suy nghĩ, anh nhất quyết rồi em ạ. Chỉ ba tháng nữa thôi, chúng ta đã là vợ chồng. Em nghĩ sao ?

17 | U Hoài

Nụ cười càng đượm vẻ hóm hỉnh, nàng khẽ gật đầu. Phòng khách vắng vẻ. Chàng muốn nắm lấy tay người yêu, nhưng nàng rút vội tay về.

Màu trắng hạ tuần như tràn ngập trong phòng khách, chàng thấy đời mình lạnh lẽo như sương khuya, chàng đứng dậy : chàng muốn được ôm nàng trong vòng tay - chỉ một giây thôi - cho hồn bớt hiu quạnh. Nàng ra hiệu xin chàng đừng làm thế. Huy vẫn tiến... nàng lùi... Nàng lùi chậm chậm cùng một nhịp với bước chân đau khổ của chàng tiến lên.

Tới cửa thông sang buồng ăn, Huy với nắm được tay nàng. Chàng vừa cúi xuống thì có tiếng dép bên kia bức cửa và chàng cũng vừa buông vội tay nàng ra. Chàng nhảm ! Khi cúi xuống, chàng nhận thấy trên má nàng một nốt ruồi nhỏ màu hung. Cũng chỗ đó chàng nhớ khi nhìn ở xương vẽ, da nàng trắng mịn không một điểm nhỏ khác màu và cũng đồng thời chàng còn nhận thấy nàng đeo đôi hoa tai tròn kiểu các cô gái Sài Gòn điều mà chàng nhớ rành mạch là không hề có kể từ ngày gặp Khanh lần đầu tiên đến giờ.

Cánh cửa vừa mở : Khanh hiện ra vẫn bận đồ dài như khi nãy.

Thì ra Khanh và Ngọc - nàng mặc áo đen - là hai chị em sinh đôi.

Sự hiểu nhầm tuy có phần hài hước nhưng Huy quên ngay vì chàng còn mãi cùng Khanh làm việc xây dựng tương lai.

II

Thế là mọi việc xong xuôi.

Buổi trưa hôm đó, nghe ông bà Trương

- thầy mẹ Khanh - cười phá lên, Huy mới nhận ra mình đã làm một việc quá ngớ ngĩnh : không tìm người mai, chàng tự đi hỏi vợ lấy.

Dầu sao, ông cụ tỏ ra rất có thiện cảm với chàng; còn bà cụ, sau vài phút nghe chàng đối đáp thuận thực thì cũng ưng ngay.

Ông bà Trương sinh hạ được ba người con đều là gái cả.

Thu - chị Khanh và Ngọc - đã lấy chồng.

Tuy rất mến Huy và biết chàng đứng đắn ông cũ vẫn căn dặn con gái :

- Cho đến ngày cưới, cấm mày không được đi dạo phố với nó đấy nhé.

Lúc đó vợ chồng Thu có mặt ở đấy.

Thu nói :

- Nhà con vẫn oán thầy mãi về việc thầy nghiêm cấm ngặt quá không cho chúng con cùng đi chơi với nhau

trước ngày cưới.

Ông Trưởng trợn mắt :

- À, để chúng mày tự do thì có lẽ chúng mày đã chán nhau rồi. Có khi không lấy nhau nữa là đằng khác.

Thường ngày nào ông Trưởng cũng nhắc Khanh :

- Cho đến ngày cưới, cấm mày không được đi chơi phỏ với nó đấy nhé.

Có lần Khanh đáp :

- Con đã biết lẽ phải rồi, thầy đừng lo.

Ông Trưởng quắc mắt :

- Tao không tin lẽ phải ở cái tuổi của chúng mày, nghe chưa.

Cũng như chồng, bà Trưởng tuy thâm tâm hoàn toàn có thiện cảm với Huy, nhưng bà vẫn lo lắng hỏi Khanh :

- Mày có chắc là nó thật chưa vợ không ?

Bà ghét đàn ông về cái thói có vợ rồi nhưng vẫn không bỏ lỡ dịp gây cảm tình với những cô gái khác. Ông Trưởng hồi còn trẻ đã có một lần suýt lấy vợ bé, bà quên sao được.

21 | U Hoài

Huy miệt mài làm việc không kể đêm ngày suốt trong hai tháng liền để hoàn thành xong năm bức sơn mài lớn. Có thể nói trong khoảng thời gian này chàng làm việc, ăn ngủ, giữa cái khoảng bề bộn của sơn cánh gián, sơn then, sơn tươi, sơn trai, sơn nhì, sơn thắm, vàng, bạc, bột xanh, bột trắng, vỏ trứng vịt, vỏ trứng gà, vỏ trai...

Điều làm Huy vui sướng nhất trong công việc xây dựng tổ ấm này là chàng đã hoàn toàn nắm vững được kỹ thuật sử dụng màu xanh. Có thêm màu xanh khiến dáng người đàn bà càng thướt tha như liễu và rất có thể chập chờn như những nàng hồ ly trong Liêu Trai chí Dị của Bồ Tùng Linh.

Chàng nghĩ đến Nguyễn Gia Trí, một họa sĩ đàn anh về sơn mài, trước đây có nói : « Làm sơn mài không nên dùng màu xanh vì nó không hòa hợp với các màu cánh gián đó. » Nhận xét rất đúng, vì hồi đó Nguyễn Gia Trí chưa tìm được màu xanh « đẹp như ngọc, huyền bí như trăng » của chàng, mà chỉ là màu xanh lơ như sơn gốc thôi.

Vụ đói năm Dậu, Huy ăn cháo trừ bữa mà vẫn vui với bút sơn, huống là năm nay, chàng làm việc luôn luôn có Khanh bên cạnh. Tuy ngày nào ông Trưởng cũng nhắc lại lời cấm nhưng Khanh vẫn thường lần đến xưởng vẽ để Huy lấy croquis cho những bức Liêu Trai.

Huy chỉ một bức trong đó có hình một thiếu nữ giống Khanh nhất đang uốn mình giữa màu xanh huyền ảo của trăng và nước rồi nói với Khanh :

- Hai tháng nữa người trong tranh sẽ hiện ra người thực và sống với anh.

Khanh lờm chàng âu yếm và hơi nguẩy người :

- Em ghen !

Làm xong năm bức sơn mài cộng với hai mươi năm bức khác vừa sơn dầu vừa gouache, chàng mang tất cả đi Sài Gòn để làm triển lãm và dịp có hội chợ. Chàng xuống Hải Phòng để đi bằng đường thủy. Hôn đi có Khanh tiễn chàng ở ga. Than ôi ! Chàng có ngờ đâu ngày đó cũng là ngày vĩnh biệt !

Huy vào Sài Gòn, nhờ có các bạn hữu (mà chàng đã viết thư báo tin trước) giúp đỡ nên việc xin phép, việc đóng khung, việc trang trí phòng trưng bày thầy đều trôi chảy không ngờ.

Một tháng sau chàng về; số tiền tranh bán được quá mức tưởng tượng, thừa đủ để xây tổ uyên ương. Tới Hà Nội, chàng được tin sét đánh : Khanh bị Sở Mật thám Liên bang bắt tình nghi.

Tên Tây lai hỏi khẩu cung, thấy Khanh có nhan sắc bèn tìm cách cưỡng ép. Hắn đã thỏa mãn lòng dục đê hèn trong một buổi lấy khẩu cung vào lúc gà gáy. Khanh bị giữ ngót ba tháng trong đê lao. Lúc được thả ra thì Khanh cũng vừa nhận thấy nàng có mang. Giọt máu thì vô tội nhưng là kết quả dâm ô của tên Tây lai mà nàng biết bố hắn là một tên đội Lê Dương chết về tay quân Nhật ở Lạng Sơn, mẹ hắn là một cô nhà thổ.

Được tin Khanh ra, Huy chạy bổ lại. Tới nơi, chàng thấy phía trước cửa xông xao một đám đông, trong nhà có tiếng la khóc và trên vỉa hè nước giội lai láng : Khanh đã gieo mình từ gác ba xuống tự vẫn. Hôm đó, Huy đứng rất lâu trước thi hài người yêu phủ vải trắng kín từ đầu đến chân. Chàng đứng rất lâu, mắt ráo hoảnh, miệng mím, đứng như người mất hồn. Trước tấm vải liệm trắng xóa, chàng nghĩ lại khuôn mặt Khanh lần gặp đầu tiên trong phòng hóa trang : một vùng trán thoải mái với mấy sợi tóc mềm rủ xuống đường mũi thẳng, miệng nhỏ, cằm xinh dưới làn mi cong dài hai con mắt thăm thẳm.

Khi sự tỉnh Huy toan cúi xuống mở khăn phủ mặt nhìn Khanh một lần cuối cùng nhưng lại thôi. Buổi gặp mặt cuối cùng của hai người vẫn là buổi họ tiễn nhau ở ga, trên chuyến xe lửa xuống Hải Phòng. Nỗi oan ức của Khanh hòa tan vào khối nước mắt của muôn vàn

oan ức khác, tạo nên một sắc thái đặc biệt cho một chế độ trong đó thủ tướng là một tên Việt gian trắng trợn bán nước cho Tây, chức thủ hiến được đánh giá bằng tiền và trinh tiết của vợ con, Tổng trưởng và Đồng lý Văn phòng có tài làm ma cô dẫn gái cho quan thầy.

Từ đấy mỗi khi sự thức giấc nhìn trăng khuya Huy lại rùng mình, vừa vì cảm thấy lạnh lẽo, lẻ loi vừa vì nghĩ đến khoảng trắng gà gáy đêm nào người con gái hiền thực bị dẫn đến trước tên Tây lai mặt đỏ như, mắt sáng quắc.

Và cũng từ đấy chàng khao khát một khuôn mặt với những nét sâu vời vợi. Có lẽ chàng nghĩ đến khuôn mặt Khanh khi đã bị tên Tây lai làm nhục.

Hầu như Huy để mặc cho vô thức sử dụng các màu, rồi chàng mài. Màu sơn trong như linh hồn nấu chảy. Từng mảng màu cánh gián, từng mảng màu son thắm, từng mảng màu ngọc xanh trong xuất hiện như nhô từ tiềm thức lên.

Huy không ích kỷ dừng lại ở nỗi đau khổ của mình, chàng nghĩ đến nỗi đau khổ chung của dân tộc, rồi chàng tự hỏi : Người Việt tự ngàn xưa vẫn tích cực đuổi giặc giữ nước bền bỉ, nhưng tâm hồn Việt sao nặng u hoài ? Phải chăng đó là sự lắng đọng từ vạ cỏ bao nhục nhằn mà dân tộc đã phải chịu đựng khi chờ thời, trong

25 | U Hoài

đó có loại nhục nhằn mà người đàn bà Việt như Khanh đã từng chịu đựng.

Chàng tự hứa khi đã tìm được khuôn mặt với những nét sâu vùi vợi làm mẫu, chàng sẽ thực hiện một bức sơn mài thực lớn lấy tên là « U Hoài ».

Nhìn bốn bề Hà Nội, chỗ nào Huy cũng thấy dây tâm tình đung phấp kỷ niệm làm tê buốt tâm can. Nỗi đau đớn của chàng lớn quá. Chàng bỏ Hà Nội vào ở hẳn Sài Gòn trước Hiệp định Genève nửa năm. Chàng từ chối không vào dạy trong trường Mỹ Thuật.

Chàng đi lang thang khắp Lục tỉnh.

Chàng đi tìm một khuôn mặt u hoài với những nét sâu vùi vợi, nhưng thất bại !

Sau sáu tháng đi lang thang, chàng mang về một tập croquis và bắt đầu cặm cụi vào việc. Chàng hy vọng một hay hai năm là cùng, chàng có thể mở một cuộc triển lãm toàn sơn mài.

III

Sau hơn một năm trời làm việc, Huy đã hoàn thành được hai mươi năm bức sơn mài đủ các cỡ với những đề tài : đất lành miền Nam chan hòa ánh sáng, những bến phà lập bên con sông dài bát ngát. Rất nhiều hình ảnh ghi những cố gắng lớn lao của dân tộc đang tự thực hiện mình trong đau đớn. Nhưng Huy vẫn chưa tìm được khuôn mặt với những nét sâu vùi vọi để chàng thực hiện tác phẩm « U Hoài » tượng trưng cho khối sầu không phải của riêng chàng mà của cả dân tộc lắng đọng từ ngày lập quốc qua Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê, Nguyễn cho đến nay.

Thành thử phòng triển lãm sắp tới của Huy vẫn thiếu một tác phẩm lớn, tác phẩm máu chót, tác phẩm chàng hằng ấp ủ trong mấy năm nay : tác phẩm « U Hoài » ! Như vậy phòng triển lãm sắp tới đó chỉ mới nói được một nửa những điều chàng muốn nói.

Hình như ai nấy có ý mong đợi nhiều về họa phẩm sơn mài của Huy. Trước giờ khai mạc đã có biết bao nhiêu người đứng đông nghẹt trước cửa chờ đợi.

Rồi phòng triển lãm mở cửa, phút chốc trước mỗi bức họa là một đám đông, người đứng gần, kẻ đứng xa ngắm nghía và bàn tán xì xào.

Có tiếng đằng hẵng của một thiếu nữ. Huy quay lại. Cả phòng tranh chột như hoang vắng. Huy phải lùi vội về một góc tường gần đây. Chân tay chàng rời rã cơ hồ muốn khuyu xuống : trước mặt chàng khi đó là một khuôn mặt có những nét sần vờn vội đứng khuôn mặt chàng đã mong nhớ từ bao lâu - khuôn mặt của Khanh khi nàng nghĩ đến chàng trước lúc gieo mình tự vẫn. Huy rùng mình tưởng như Khanh sống lại.

Người con gái đứng lên. Nàng bận toàn màu đen, nước da trắng muốt.

Nàng hỏi khẽ :

- Anh quên em rồi ư ?

Huy nghĩ thầm : « Quên sao được ! Khuôn mặt thân yêu này tôi tương tư đã từ bao ngày rồi. »

Thấy vẻ chàng ngỡ ngẩn, nàng tiếp :

- Em là Ngọc, em chị Khanh.

- Em Ngọc ! - Huy thốt lời kêu thân mật.

Ngọc cảm động cúi đầu.

Huy đưa tay đỡ trán nói khẽ :

- Khuôn mặt ta thương nhớ bao lâu có ngờ đâu ngày nay là khuôn mặt của Ngọc.

- Anh nói gì thế ? - Ngọc hỏi.

Còn như nửa mơ nửa tỉnh, Huy đáp :

- Không, Ngọc ạ.

Chính giữa phòng tranh là chiếc bàn kính lớn bày những tác phẩm văn chương của các bạn Huy. Để gỡ một giây phút bối rối, Huy bảo Ngọc :

- Ngọc có thể ra ngồi bên bàn sách giúp chúng tôi buổi hôm nay được chăng ?

- Được lắm anh ạ.

Suốt buổi đó Huy phải đi quanh phòng luôn luôn hoặc để dẫn một người bạn, hoặc để tiếp người muốn mua một bức, hoặc để giải thích, trả lời một vài câu hỏi. Nhưng mỗi khi nhìn về bàn sách, chàng lại gặp đôi mắt sâu vời vợi của Ngọc. Ngọc không quay đi, trái lại nàng mỉm cười như muốn nhủ thầm với chàng : « Em còn ngồi đây. »

Tâm trạng Huy đột nhiên trở nên phức tạp, um tùm và hiu quạnh như khu rừng hoang.

29 | U Hoài

Huy không hề quên tác phẩm « U Hoài » thai nghén của mình, nên cuối buổi hôm đó chàng nói với Ngọc :

- Chiều nay tôi có thể nhờ một người bạn trông phòng triển lãm giúp, Ngọc có thể lại đăng xưởng vẽ để tôi xin một bản croquis được không ? Đã hai năm nay tôi đi tìm một khuôn mặt như của Ngọc.

Lần đầu tiên Huy thấy vẽ Ngọc sa sầm. Chàng thất vọng. Nhưng niềm vui ào ạt trở lại vì Ngọc đáp :

- Vâng, anh cho em địa chỉ xưởng vẽ.

IV

Ngọc đã ngồi kia, và Huy đã đứng trước giá vẽ.

Niềm vui của Huy dạt dào và rộng lớn như nước triều lên theo trăng. Với khuôn mặt kia nhất định tác phẩm mơ ước sẽ thành tựu.

Huy chợt đứng sững vì một ý tưởng thoáng qua :

- Không, khuôn mặt đó không phải chỉ là nhân vật trong một bức sơn mài mà là nhân vật của chính đời chàng.

Ngọc phải là nhân vật của chính đời chàng !

Ngọc là người duy nhất có một khuôn mặt của hai nhân vật. Ngọc là người duy nhất có thể xoa dịu vết thương dĩ vãng và đem lại mùa xuân đã mất cho chàng.

Mắt Huy sáng lên. Chàng đã quyết định. Nhưng cũng trong giây phút đó chàng mới sực nhớ ra chàng chưa thể quyết định gì.

Vì còn Ngọc !

Chàng đã biết gì về Ngọc đâu ! Ngọc di cư vào Nam cùng với cha mẹ chẳng ? Hay Ngọc vào đây theo chồng ? Vì coi chàng như anh rể, nên Ngọc đến đây giúp chàng thực hiện tác phẩm ! Có thể thế lắm chứ. Ý nghĩ Ngọc

đã có chồng và theo chồng vào đây làm tim Huy nhói buốt. Chua xót như ca dao :

Bây giờ em đã có chồng,

Như chim vào lồng như cá cắn câu.

Chân tay rời rã, Huy ngồi phịch xuống ghế, chiếc bút chì rơi xuống thềm đá hoa thốt tiếng kêu khan như đê hòa với một nút rạn của trái tim; hai thay chàng đỡ vội lấy trán.

Ngọc hốt hoảng chạy lại :

- Anh Huy làm sao thế ?

Huy không dám ngẩng nhìn nàng, hỏi khẽ :

- Ngọc di cư vào đây với ai ?

- Với thầy mẹ em anh à.

Tia hy vọng từ đôi mắt thoát ra chiếu sáng cả khuôn mặt Huy. Chàng vui vì nỗi lo âu nặng nề « Ngọc theo chồng vào đây » không còn, chàng còn vui vì câu trả lời của Ngọc tận cùng bằng hai tiếng « anh à » nhiễm đầy sắc thái hồn hậu của người miền Nam.

- Thầy mẹ hiện đang ở đường nào, Ngọc ơi.

(Huy cũng dùng chữ « ơi » theo kiểu Nam)

- Ở Tân Định anh ạ.

Lần đầu tiên ký ức Huy trở lại buổi đầu xa xôi năm nào chàng tưởng Ngọc là Khanh.

V

Huy chưa bắt tay vào việc thực hiện tác phẩm « U Hoài ». Chàng còn bận cùng Ngọc phác tính chương trình hoạt động từ nay cho đến ngày cưới. Bao nhiêu là việc mà chỉ còn có hơn một tháng nữa. Rồi chàng đích thân đi chọn các màu áo cho Ngọc, đích thân chọn đồ trang sức cho Ngọc. Lắm lúc đi bên Ngọc, Huy tưởng như hai người đang đi trong giấc mơ huy hoàng của buổi dạ hội mà Hoffmann đã tả trong một truyện của ông. Rồi ngày cưới đến. Vẫn với trạng thái bâng khuâng đó, chàng đi vào đêm tân hôn như đi vào một giấc mộng khác, màu sắc êm dịu hơn nhiều. Trong giấc mơ này Huy lại thấy Ngọc khóc trên vai chàng và khuôn mặt trong sáng của nàng cũng lại nhắc chàng nghĩ đến bông hoa hé nở trong một ngày mưa tầm tã. Ngọc cũng mấy lần nhìn chàng ngập ngừng muốn nói. Và sau cùng trong « giấc mơ » này nàng nói thật.

- Không một chuyện gì về anh mà chị Khanh không kể cùng em - tiếng Ngọc bình bồng trôi trong bóng tối mờ ảo của gian phòng. Hai chị em từ ngày cùng sinh đến ngày chị Khanh bị bắt tình nghi, bao giờ cũng ngủ cùng giường. Chị Khanh kể chuyện ngày diễn kịch được anh hóa trang, chị thuật lại những lời văn vẻ mà anh nói với một vẻ khách quan đến khó chịu, chị thuật lại tất cả những cử chỉ ngộ nghĩnh của anh. Chị Khanh kể lại

cũng với một giọng khách quan lắm nhưng em biết chị Khanh yêu anh, bởi chính em chỉ nghe kể lại mà đã yêu anh rồi. Tình cảm của chị em sinh đôi thường giống nhau anh ạ. Rồi hai người chính thức yêu nhau, rồi anh lại đăng em. Em bung khay nước và đặt tách nước trước anh. Đó là lần đầu tiên em biết mặt anh, người em vẫn yêu thầm. Cử chỉ âu yếu của anh khi nhâm tưởng em là chị Khanh thoát làm em vui nhưng rồi làm em đau đớn. Anh hiểu sao được nỗi đau đớn xâu xé lòng em khi chân em lùi để thoát anh mà lòng thì muốn dừng lại để được gieo vào lòng anh. Anh hiểu sao được lòng em, anh ơi.

Huy vội ôm chặt Ngọc vào lòng, bàn tay vỗ nhẹ lên vai Ngọc để an ủi. Chàng nói :

- Anh hiểu rồi em ạ.

Tiếng Ngọc trở nên nghẹn ngào :

- Từ đấy em tự lánh mặt, khi anh đến nhà em, cũng như khi gặp anh ngoài đường phố. Còn anh, anh đã quên em ngay sau buổi đó, ý như một vật không hề có ở đời.

Huy lại khẽ vỗ tay lên vai nàng nhắc lại câu đã nói hâu như chẳng ăn nhằm vào đâu :

- Anh hiểu rồi em ạ !

Thế là tác phẩm « U Hoài » của Huy không sao thực hiện được nữa.

Cái hiện tại của đất nước tung bừng xây dựng; cái hiện tại của nét mặt Ngọc - kể từ ngày nàng khóc lần đầu tiên trên vai chàng trong xưởng vẽ - nhất định không, không trở lại u sầu nữa, mà tươi sáng như hoa nở kịp mùa; cái hiện tại của chính chàng sống ngọp trong tình yêu, thì làm sao giữa thực tại ấy chàng thực hiện được tác phẩm mệnh danh « U Hoài » ?

Chàng không quên Khanh với mối tình đầu của nàng, nhưng lúc đó chàng mới biết là u hoài thường có khuynh hướng lắng đọng. U hoài càng đẹp tuyệt vời khi thỉnh thoảng từ chốn lắng đọng sâu thẳm ấy xao động lên thành một vài cử chỉ trữ tình, một vài câu thơ trữ tình, một vài đường nét, màu sắc trữ tình. (Như bức sơn mài, chàng vẽ Khanh uốn mình trong màu xanh ngọp của trắng nước bao la.) Chàng không quên dĩ vãng nhưng chàng phải sống với hiện tại và có bồn phận với tương lai.

Và cũng do kinh nghiệm bản thân đó, chàng mới thâm hiểu được một cách chu đáo nếp sống của dân tộc mình chiến đấu anh dũng là vậy mà trong các tác phẩm văn nghệ để lại vẫn thoáng gợn đây đó những nét sâu vụn cổ.

Chàng Nhạc Sĩ

Một buổi chiều ba hôm trước đây đương lúc lang thang ngoài phố, chợt máy truyền thanh của một cửa tiệm gần đấy vang lên bản Nocturne En Ut Dièse Mineur của Chopin và tôi đã vội quay về viết một bức thơ khá dài cho Tùng.

Thế rồi hôm nay nhận được giấy Nha Học chính đòi tôi đi Nha Trang, một tỉnh miền Nam Trung bộ, đúng tỉnh hiện nay Tùng đương làm việc, tôi phải tự nhủ thầm: « Cũng là điềm hai thằng gặp nhau ! »

Mùa đã sang Thu. Cả bầu trời vẫn mây từ sớm mà không mưa. Tới trưa vì có ánh sáng lọt qua, biển mây biến thành màu trắng sữa, đôi chỗ đường mây khẽ nứt để lộ một màu xanh thăm thẳm mơ hồ như một kỷ niệm thoi thóp trong tiềm thức. Tiếng gió xao xuyên qua cành lá phủ thêm một lần âm thanh u hoài lên tư tưởng đã quá chìm trong hư vô của tôi.

Nhớ lại hồi đó tôi và Tùng cùng theo học năm cuối cùng cấp trung học ban Triết. Dáng người anh dong dong cao, nước da mai mái cùng khuôn mặt xương xương là là hai dấu hiệu đặc biệt của phần đông những người có một đời sống tình cảm dạt dào. Với bề ngoài lơ đãng, với dáng đi tuy nhanh mà vẫn thanh thản, với vầng trán đượm vẻ trầm tư, cùng đôi mắt xa xôi không

gợn qua vẻ độc ác, anh luôn luôn như vương vấn trong một nỗi niềm gì, đuổi theo một hoài bão gì.

Anh yêu thiên nhiên và sống hồn nhiên. Chúng tôi thoát gặp nhau ở chỗ cùng thích khoác áo mưa đi chơi dưới mưa phùn để vừa nói chuyện vừa ăn lạc rang. Anh cho tôi biết anh mê nhạc từ thuở bé và tin rằng âm nhạc sẽ là một ám ảnh suốt đời anh. Tình yêu Nhạc của anh thật đã là bông hoa chói lọi của Đam Mê nở trên vòm xanh mịn của tình yêu Thiên Nhiên. Trong những cuộc đi chơi ấy chúng tôi bàn những vấn đề nghệ thuật và phản đối những kẻ chủ trương tóa chiết tình cảm.

Câu chuyện ngày một đằm thắm. Chẳng bao lâu chúng tôi say nhau như đôi nhân tình. Đến nhà nhau chơi chúng tôi tự coi như là một phần tử của gia đình nhau.

Những lúc cao hứng, hay những lúc âm thầm suy nghĩ, hay những lúc để tỏ ra tâm hồn mình thanh thoi, Tùng thường huýt sáo bài Nocturne En Ut Dièse Mineur của Chopin. Âm sắc có thay đổi chút ít, tuy nhiên thoảng nghe sáo, tôi cũng biết ngay anh đang ở trạng thái nào. Khi huýt sáo mất anh lim dim. Anh không nhìn vào xa xôi nữa mà như chính anh đang đắm vào nỗi niềm xa xôi đó.

Tùng có ba người chị lớn đã ở riêng và một cô em gái còn ở nhà buôn bán với mẹ. Câu « yêu nhau chị em gái » thực không hợp với ba người chị lớn của anh chút nào. Ba người luôn luôn đứng ở thế chân vạc, người nọ oán trách người kia hoặc vì lời nói vô ý, hoặc vì vấn đề tiền nong, hoặc vì một thái độ vụng về. Họ sống trong mỗi bất hòa thường xuyên, tuy vậy cả ba lại cùng gặp nhau ở một điểm : oán bố. Nguyên do ông cụ là người thuộc thế hệ trước, cụ thương các con rất mực nhưng lại lắm điều và cố chấp.

Tùng đôi khi cũng hơi bực bội về cảnh bất hòa trong gia đình nhưng chỉ thoáng qua trong chốc lát thôi : những ưu tư về Nghệ Thuật đã quá mạnh mẽ choán lấp cả mọi điểm nhỏ nhặt khác của cuộc đời phức tạp. anh gởi mua từ Pháp những sách nhạc dạy về hòa âm, dạy về cách soạn nhạc... Anh mua những đĩa Sonates, Symphonies... của Mozart, Beethoven, Haydn... cùng với các bản nhạc in để nghiên cứu. Nét mặt anh ngày một đăm chiêu, câu chuyện anh ngày một kỳ dị ở chỗ câu trước và câu sau thoát nghe tưởng như không có liên lạc gì với nhau. Tôi chắc là đời sống bên trong của anh phải mãnh liệt lắm.

Một hôm vừa nghe xong một Sonate của Mozart anh bỗng nói :

39 | U Hoài

- Sơn ạ, tôi muốn xây dựng một sự nghiệp lớn. Tôi không muốn những cảm giác quý báu của tôi đến, rồi đi, rồi tan trong hư vô. Đã có những phút Nghệ Thuật xuất hiện trong ta như vậy, Nghệ Thuật phải được thể hiện ra ngoài bằng tác phẩm.

Rồi anh quay ra tì tay vào cửa sổ cắn móng tay về trầm tư, mãi tới một lát sau mới nói tiếp :

- Tôi ghét hữu hạn và khao khát vô biên !

Tuy vậy tôi vẫn chưa thấy anh sáng tác gì và mặc dầu say mê âm nhạc, việc học của anh cũng đầy đủ bổn phận : anh đỗ tốt tú tài phần hai ngay kỳ đầu trong khi tôi vào vấn đáp rồi trượt phải đợi đến kỳ thứ hai mới thanh toán xong. Đó là năm có cuộc Cách mạng tháng Tám. Cũng năm đó anh có dịp gần Nga hơn. Trước đây - năm sắp sửa thi tú tài phần nhất - Tùng có học cùng lớp với Tiên - anh Nga. Đôi khi đến chơi Tiên, Tùng thường gặp Nga hoặc đương thái thịt làm cơm hoặc giặt gya.

Có một lần Tùng thốt ra :

- Cô Nga chịu khó thật ! Cô không đi học ?

Nga đáp :

- Có chứ ạ, em vừa về.

Cách đó chừng vài hôm, Tùng đến, lại gặp Nga đương pha một khỗ mỡ lớn, anh lại thốt ra câu :

- Cô Nga chịu khó thật ! Cô không đi học ?

Nga không dấu được nụ cười, mặc dầu trông vẻ Tùng nàng cũng biết chàng là một người đấng trí có thừa, nhưng rồi Nga cũng đáp :

- Có chứ ạ, em vừa về.

Tính tình Tiên có nhiều điều không hợp với Tùng nên bằng từ đạo đó Tùng thác là bạn học thi không lại nữa.

Hơn một năm qua Tùng đỗ tốt tú tài phần hai ban Triết. Tiên thi toán nhưng trượt.

Hôm đó Tùng đi trên Bờ Hồ tình cờ gặp người bạn cũ lấy vợ được năm năm, hiện là giáo viên tiểu học ở một tỉnh nhỏ. Anh bạn than phiền về cảnh gặp phải bà vợ không biết làm gì về cơm nước ngoài món thịt rim rau luộc; học trò rất mến anh, lúc anh giảng bài cả lớp im phăng phắc nhưng về nhà thì anh chưa kịp mở miệng bà vợ đã nói leo rồi. Chính lúc sau đó, sau lúc từ biệt anh bạn năm năm ăn thịt rim rau luộc và bị vợ nói leo, nụ cười còn giữ nguyên trên môi thì Tùng thấy có người gọi tên mình.

41 | U Hoài

- Anh Tùng, sao lâu lắm anh không lại chơi với anh em ?

Nhận ra là Nga chàng thốt lời kêu ngạc nhiên :

- Trời ! Cô Nga, cô lớn hơn trước nhiều quá. Đạo này tôi bận cô ạ. Rồi vì óc liên tưởng chàng chăm chú nhìn Nga xem nàng có phải là người về sau chỉ biết cho chồng ăn thịt rim rau luộc ? Tùng chỉ thấy Nga hoàn toàn là một thiếu nữ đương tuổi xuân với vẻ xinh đẹp quyến rũ vô ngần. Chàng mỉm cười tiếp :

- Và lại giá tôi có đến chơi thì chắc chắn lại thấy cô đương thái thịt hoặc giặt quần áo.

Nga lắc đầu cười và cải chính :

- Đạo này em không thái thịt và giặt quần áo mấy nữa : em vừa bận học vừa tập đàn.

- Cô học đàn gì thế ? Guitare Hawaïenne chẳng ?

- Không, em học piano.

- Thế thì tuyệt ! Cô mới mua piano ?

- Ba em cho tiền mua được ba tháng nay và cũng đã ba tháng em theo học bà B., nhưng bà mới cùng con gái về Pháp nghỉ hè có lẽ đến cuối tháng Mười này bà ấy mới trở lại.

Rồi Nga ngỏ ý nhờ Tùng tiếp tục dạy nàng trong thời gian ấy. Tùng nhận lời.

Cuộc đời tình ái của anh bắt đầu và nó cũng hồn nhiên giản dị như anh. Ngay từ những ngày đầu khi hai bên chưa có tình ý gì với nhau, Tùng đã thân mật gọi Nga là Em rồi. Khi nói chuyện với chúng tôi Tùng chỉ dùng chữ « Em » để chỉ tất là Nga.

« Tôi thấy tay Em chạy trên phím đàn, - lời anh kể cho chúng tôi nghe ngày sắp làm lễ cưới bằng giọng hài hước đặc biệt thường có của anh - tôi vô tình nắm lấy. Vô tình nắm lấy, nhưng lại hữu ý mà nghĩ rằng nắm lấy tay Em nhưng có nắm được thời gian đâu ? Có lẽ Em cũng nghĩ thế. Và chúng tôi yêu nhau. »

Cả bọn chúng tôi cười rộ và đồng thanh nhắc lại như điệp khúc một bản Rondo :

- Và chúng tôi yêu nhau !

Tính ra từ ngày có vòng liên lạc Tùng-Nga cho đến ngày cái vòng đó thu hẹp lại thành chiếc nhẫn marié vền vền có hai tháng trời !

Lên đại học anh ghi tên vào ban Luật nói là để học cho nhàn. Điều cốt yếu là Nhạc. Cuộc chiến tranh toàn quốc bùng nổ. Tùng bỏ lại gần hết quần áo để mang toàn bộ sách nhạc tản cư đến Quốc Oai thuộc Khu Ba,

giúp việc cho một ban kịch tuyên truyền lưu động. Mấy tháng sau quân Pháp bất ngờ tràn đến làng anh ở. Khi tình hình cho phép quay trở lại thì nhà anh đã ra tro cùng với toàn bộ sách nhạc, cây thóc bên cạnh còn cháy âm ỉ, dây đó còn sót một vài mảnh bìa cứng, một vài tờ nhạc cháy hết nửa. Ở cuối sân gần chuồng trâu, chiếc violon bị đập nát mỗi nơi một mảnh vụn ! Phút đầu tiên nhìn cái đàn của mình như vậy anh tưởng như chính tim mình tan nát, chính đời mình tan nát.

Kê từ đấy tôi và anh mất liên lạc. Tôi xuống mở trường trung học ở Hà Nam. Khi cơ sở đã vững tôi có ý muốn tìm anh để nhờ giúp cho một chân giáo sư, nhưng không gặp. Bốn tháng sau được tin anh bị mệ, Nga có mang, gia đình anh phải vào thành và đã mở một cửa hàng nhỏ ở phố cũ anh ở. Ông cụ thân sinh anh thì về quê cách Hà Nội bốn cây số. Tôi có gửi vào cho anh một bức thư, không hiểu anh có nhận được không. Cách đó ít tháng xảy ra vụ quân Pháp nhảy dù ở Đồng Quan. Trường tôi bị tan. Hàng vạn đồng bào ở quanh vùng Đồng Quan, Công Thần, Chợ Đại chỉ còn một lối : vào thành. Tôi cùng Tùng tái ngộ vào dịp đó. Ngay hôm đầu khi tôi tìm anh tôi không khỏi bồi hồi khi ngắm đến gian hàng xén xác xơ của gia đình bạn. Một chiếc phản một kê phía trước cửa, trên để vài chiếc quả sơn đựng gạo nếp, gạo tẻ, vừng, lạc, mộc nhĩ. Cách một chiếc ghé ngựa, phía trong dựa vào tường là chiếc tủ gỗ tạp đóng

theo kiểu étagère trên bày các lọ kẹo, lọ đường, vài chai vang, cùng một ít thứ hàng vật như hương, nến, giấy bút v.v... Song cảm giác nặng nề đó biến ngay hầu như không để lại một tí dấu vết gì khi câu chuyện hàn huyên của chúng tôi bắt đầu. Tùng cho tôi biết ngay anh đã khởi sự sáng tác. Các sách nhạc hiện anh nghiên cứu, một số ít do anh mua, còn phần lớn là mượn được của các bạn, kể cả chiếc violon $\frac{3}{4}$ anh dùng tạm.

Tùng đánh cho tôi nghe mấy bản nhạc của anh. Từ mấy giai điệu nhỏ đến bản Sonate đầu tiên của anh, tôi đều thấy một điều rõ ràng là anh đã quá chịu ảnh hưởng nhạc cổ điển Tây phương. Anh say sưa giảng lại ý nhạc một vài đoạn anh cho là đặc sắc rồi đánh lại cho tôi nghe. Tôi cũng say sưa thấy như bạn đã đạt được một cái gì. Cho đến nay tôi vẫn chưa hiểu rằng có thực Tùng đã đạt được cái gì không hay tôi chủ quan trong tình bạn khi thưởng thức tác phẩm của anh. Anh mãi mê làm việc, hết xem sách lại sửa gọt lại một nhạc đề mà anh đã ghi được trong một lúc ngẫu hứng nào.

Thậm chí đi cắt tóc Tùng cũng mang theo sách nhạc để đọc cho đỡ phí giờ. Mỗi lần tôi đến chơi anh là một lần phê bình góp ý kiến trong bầu không khí nồng nhiệt và thành khẩn. Nhưng cũng mỗi lần tạm biệt, khi Tùng tiễn tôi tới cửa, gian hàng xác xơ của gia đình anh lại kéo tôi trở về thực tại, một thực tại trong đó có ba

khuôn mặt điển hình của bất cứ một gia đình nghèo nào mà vẫn sống trong hòa thuận : khuôn mặt nhẫn nại và hiền từ của bà cụ, khuôn mặt tươi tắn nhưng có vương một chút gì âm thầm của Nga, và khuôn mặt dịu dàng lặng lẽ của Liên, cô em Tùng. Chào những người ấy mà tôi thấy hồi hận khi vừa rồi mình đã nói to cười lớn trong phòng. Còn Tùng, anh vẫn giữ thái độ vô tư lự của người... « an bản lạc đạo ». Khi anh bắt chặt tay tôi, cười ha hả, tôi có cảm tưởng như người đang lên đồng bắt tay người đã thăng đồng. Và khi tôi vội vã nhảy lên xe đạp rồi, thường thường tiếng sáo bài Nocturne còn kịp vang theo quần lấy tôi như một ám ảnh.

Rồi đưa con trai đầu lòng của Tùng ra đời. Gần với tiếng khóc của con nhất là mẹ, tiếng khóc ấy làm cho Nga suy nghĩ nhiều về nhiệm vụ thực tế của kẻ làm cha mẹ. Cho nên tuy Nga quen Tùng về âm nhạc, yêu Tùng về âm nhạc, lấy Tùng thoát tiên cũng tưởng sẽ giúp chàng xây dựng một sự nghiệp về âm nhạc, nhưng đến nay, về phương diện thực tế, âm nhạc không đem lại kết quả hữu ích gì. Đã hơn một lần Nga thốt ra câu : « Nước mình đang còn ở trình độ thịnh hành nhạc có lời thì âm nhạc thuần túy ấy chưa tiêu được ! »

Đã có hôm Tùng thủ thủ than phiền với tôi :

- Anh à dạo này Nga luôn luôn mè nheo là tôi không thực tế. Nga muốn tôi phải học một ngành chuyên môn như Dược khoa hay Y khoa.

Tôi góp ý kiến :

- Hay là anh làm theo ý chị ấy.

Tùng lắc đầu :

- Chết cái tôi thật thà thấy rằng mình không đủ kiên nhẫn học cái gì trừ âm nhạc, trí nhớ của tôi không còn đủ năng lực để học bất kỳ một cái gì trừ âm nhạc. Thôi thì tôi cứ cùng gia đình trông nom cái cửa hàng nhỏ này vậy. Sống thanh bạch thì thế nào cũng đủ, sống theo thời biết thế nào cho vừa.

Nhưng việc buôn bán ngày một khó khăn, sự chi tiêu trong gia đình ngày một dè sẻn mà vẫn thấy hao hụt. Rồi một vài xích mích nhỏ xảy ra giữa chị dâu em chồng. Ở một gia đình quen sống hòa thuận thì một sự xô xát nhẹ cũng để lại một cảm giác nặng nề khó chịu tưởng không bao giờ hết.

Lời phản đối của Nga ngày một gay gắt, nhất là khi trong phòng chỉ còn hai vợ chồng. Tuy lòng nao núng nhưng Tùng thấy âm nhạc vẫn thắng.

Chiều hôm đó tôi đến chơi, thấy Nga ôm con đứng bên Tùng mặt còn đăm chiêu.

Thấy tôi Tùng gập sách lại - sách nhạc lẽ cố nhiên - rồi vừa cười vừa nói, không hiểu là nói với Nga, hay với tôi hay với cả hai :

- Chà, người ta nghiện thuốc phiện, nghiện rượu còn được, mình nghiện cái nghèo có gì là lạ. Mà nào mình đâu đã phải là nghèo. Tương đối với những nhu cầu của xã hội văn minh, mình đây mới chỉ là sống giản dị, sống theo thiên nhiên.

Ngay lúc đó, Tiên nhân có việc gì qua đây tạt vào chào. Tiên có chân trong một đảng chính trị khá thế lực, nắm một phần lớn chính quyền ở Bắc Việt, nhờ vậy chàng hiện là chủ sự phòng giấy Sở Bưu điện. Từ khi thấy Tiên có thái độ đầu cơ chính trị, Tùng càng tỏ vẻ lạnh nhạt với ông anh vợ.

Thấy anh đến, Nga đơn đả hỏi toàn những câu ngụ ý tăng giá trị cuộc sống phong lưu của anh. Rồi nàng trách nhẹ thái độ rưng rưng của Tùng. Tiên cao hứng khuyên em rề mấy câu, khiến Tùng không giữ nổi bình tĩnh gạt phăng lời Tiên :

- Tôi quan niệm hạnh phúc là một trạng thái quân bình hay không của tâm hồn trong đó tiền tài và danh

lợi chỉ quyết định một phần rất nhỏ.

Biết Tùng có ý nói kháy, Tiên ra về một chính khách già dặn điềm đạm nói :

- Thường thường người ta vẫn nói là không thích tiền, nhiều khi đi quá sự đó người bảo là ghê tởm đồng tiền. Với công danh địa vị cũng vậy. Chỉ khi nào người ta ngồi lên đồng tiền, ngồi lên danh vọng mà bảo là chán tiền chán danh vọng lúc ấy tôi mới tin.

Tùng mỉm cười đáp :

- Tôi biết điều này có khi trước anh nhiều cơ đấy, nhưng có điều tôi chán ghét địa vị vì tôi đã được cái may mắn không rơi vào địa vị. Tiếc thay anh không có cái may mắn như tôi để cùng tôi thông cảm.

Tiên gật gật đầu :

- Tôi sẵn sàng thông cảm với cậu.

Tùng lạnh lùng :

- Sẵn sàng nhưng chưa đến lúc !

- Theo ý cậu khi nào mới là đúng lúc ?

- Khi mà một là địa vị ruồng bỏ anh, hai là chính anh chán ghét cuộc sống địa vị của mình. Người ta dù nhiều

49 | U Hoài

tham vọng đến đâu ai mà chẳng có lúc muốn mình được sống thanh thoi và thành thật với chính mình.

- Cậu cho địa vị bao giờ cũng là cái độc để người ta lao mình xuống hay bãi cát lầy để người ta sa đọa ?

- Anh vẫn ở trên mặt đất phẳng, nhưng ở trên đó anh tự xây một cái nhà tù kiên cố. Ở địa vị, anh phải luôn luôn sống giả dối với chính mình nữa. Giả dối với người còn tha thứ được, giả dối với chính mình thì tôi thấy khổ hơn người đã chết mà linh hồn còn bị một lần nữa bán lại cho ác quỷ.

Tiên mỉm cười nhún vai. Tôi vội vàng thay đổi hướng câu chuyện để cứu vãn tình thế cho cả hai, có lẽ cho cả ba thì đúng hơn, bởi Nga cũng là người trong cuộc.

Khi Tiên ra về, đèn phố đã bật sáng. Sang tháng Bảy nên có mưa ngâu. Mặt đường bóng nhoáng, những hạt mưa lăn tăn rơi xuống làm nhấp nháy những khoảng có ánh đèn phản chiếu.

Tùng quay lại bảo tôi :

- Đi chứ ?

Tôi gật đầu :

- Đi !

Chúng tôi cùng phóng xe đạp dưới trời mưa phùn. Ánh đèn Hà Nội lúc chập tối chưa bị nhàu nát hình như cũng mới nguyên như ánh nắng ban mai. Lại có thêm mưa phùn khiến chúng tôi có cảm tưởng Hà Nội nhòa trong nước mắt. Chúng tôi đi song song bên nhau không nói nửa lời nhưng trong bầu không khí chập chờn ấy chúng tôi cũng cảm thấy quên những giả dối, những lọc lừa của Hà Nội nói riêng và của cả cuộc đời nói chung. Có lẽ chưa bao giờ chúng tôi cảm thấy rung động trước Hà Nội bằng buổi chiều hôm đó. Hà Nội chợt như thùy mị, hiền lành và dịu dàng. Phải chăng vì mưa phùn ? Cho hay con người cũng vậy, bản tính độc ác đến đâu, khi khóc - dù là khóc thủ đoạn - trông cũng dịu và dễ thương đi nhiều.

Tôi biết hôm ấy Tùng buồn, nên đến khuya tôi nhận lời về ngủ với anh.

Căng xong cái màn thấp và hẹp đáng lẽ chỉ đủ một người nằm, Tùng chắc lười nói :

- Người nằm trong màn chứ mộng có nằm trong màn đâu mà cần mộng lớn thì màn lớn.

Hôm sau Tùng nhận được hai cuốn sách mới mua từ bên Pháp, một quyển dạy về đặc tính từng nhạc khí, một quyển dạy về cách thức dàn nhạc. Anh có tham vọng sau khi nghiên cứu kỹ hai quyển đó anh sẽ sáng

tác những khúc nhạc tấu lớn.

Từ đây tôi thấy anh vừa nghiên cứu vừa luôn miệng kêu khổ vì nước nhà không có âm nhạc viện. Tôi phải an ủi :

- Kê có âm nhạc viện càng hay, nhưng ở đời khi các điều kiện đầy đủ quá người ta dễ chây lười.

Thà ở trong thế bất lợi mà cố gắng để lượm được những kết quả đáng quý còn hơn ở thế thuận tiện mà chẳng lượm được gì !

Tôi thấy anh huyết sáo bài Nocturne. Tôi biết anh đương có điều gì cao hứng. Bỗng anh quay ngoắt lại phía tôi :

- Sơn ạ, tôi biết tâm hồn tôi phì nhiêu lắm, phì nhiêu như một mảnh đất bỏ quên đã tích lũy trong lòng mình mầu mỡ của muôn nghìn năm. Mảnh đất ấy bây giờ chỉ còn một khát vọng là chờ người tới gieo lên đấy những hạt giống chắc nịch để được dịp chắt chiu dâng mầu lên lá.

Một năm nữa qua, Nga bắt đầu có mang lần thứ hai. Gia đình Tùng lâm vào cảnh túng thiếu thật sự : năm ngoài đã vay nợ, sang năm nay món nợ theo ngày tháng

to lên dần. Bà cụ đã tính chuyện sẽ trở về quê cày cấy. Lời kỳ kèo của Nga đôi khi thành lời ray rứt; tuy sau đó hai vợ chồng vẫn sống hòa thuận, nhưng sự hòa thuận này đâu còn bình tĩnh như xưa ! Hồi đó tôi là bình bút cho một tờ tuần báo nợ, lương tháng không được là bao. Tôi nghĩ giá mình lập gia đình sớm như Tùng có lẽ không thể kiên gan bằng anh và chắc sẽ giải nghệ viết văn từ lâu rồi.

Nhưng rồi Tùng cũng phải tìm cách đi dạy học để kiếm thêm. Thoạt tiên Tùng được một người bạn giới thiệu đến dạy ở một trường tư kia mới thành lập, dạy được một tháng thì trường giải tán. Người ta chẳng hề nhắc gì tới số lương phải trả Tùng và rồi họ tản mác mỗi người một nơi lúc nào Tùng không biết. Sau đó cũng còn vài lần Tùng gặp ông hiệu trưởng nhưng anh không hề nhắc đến e bất nhã. Trong khi đó, chính Nga đã trù tính nếu họ trả món nợ, tiền đó chị sẽ đi sắm một vài thứ rất cần cho đứa con thứ hai chị sắp ở cữ.

Một chiều tôi đọc báo hằng ngày thấy đăng một nơi cần giáo sư. Sớm hôm sau tôi vội vã đến kéo Tùng đi. Tới nơi đã thấy ngoài cổng gài một mảnh giấy viết bằng bút chì xanh rất rõ, nét chữ thật kiêu hãnh như lời :

« Đã có giáo sư, xin miễn tiếp ! »

Mãi tới tuần sau tôi mới giới thiệu anh đến vừa dạy học vừa dạy piano trong mấy tháng hè cho mấy đứa trẻ nhà một người Trung Hoa buôn bán lớn. Cuối tháng đầu, cha lũ trẻ đến hỏi xem anh định lấy bao nhiêu tiền thù lao hàng tháng.

Cảm thấy nói đến vấn đề tiền nong như nói đến một cái gì dơ bẩn không xứng đáng với mình, Tùng chỉ trả lời :

- Ông đưa bao nhiêu cũng được.

Có lẽ người đó cho là anh không thiếu gì nên câu chuyện tiền nong chỉ đến đấy rồi bỏ lửng.

Hết tháng thứ hai, rồi sang nửa tháng sau nữa vừa hết hè thì người cha lại đến hỏi :

- Xin ông cho tôi biết phải nộp bao nhiêu tiền thù lao?

Tùng vẫn một mực trả lời :

- Ông đưa bao nhiêu cũng được.

Và số tiền « ông đưa bao nhiêu cũng được » ấy đã... không được là bao nhiêu !

Đạo đó tôi bắt đầu hùn vốn buôn với một người bạn ở Hải Phòng. Một buổi chiều tôi lái chiếc xe hơi mới của anh bạn buôn đó lại tìm Tùng để rủ anh đi Hải Phòng

chơi một thể, Tùng ra ý không bằng lòng lạnh lùng hỏi :

- Cậu định không viết văn nữa ?

Tôi đáp :

- Anh không thấy Balzac xưa cũng từng vừa đi buôn vừa viết văn, và chính vì thể văn chương của ông phong phú bao nhiêu.

Mối ngờ vực tan đi anh trở lại tươi cười nói :

- Tôi e rằng rồi mãi làm giàu cậu cũng đến bán rẻ linh hồn cho quỷ sứ như muôn vàn những kẻ tầm thường khác.

Tôi vỗ vai anh vừa cười lớn vừa đáp :

- Anh đừng ngại, điều quan trọng là khi tôi đã giàu rồi tôi sẽ cãi nhau với quỷ sứ mà đòi lại linh hồn. Bây giờ anh hãy đi Hải Phòng với tôi đã.

- Tôi không đi được vì mai tôi đã đi làm !

- Anh đi làm ?

- Phải, tôi đi làm ở Sở Nông lâm bên Gia Lâm.

Thì ra trước đây một tuần lễ, Tùng đã theo lời ông chú họ mà nộp đơn xin làm ở Sở Nông lâm. May sao sở này đương cần người nên gọi anh ngay. Hôm sau anh

đến sở trình diện và theo ngay lớp huấn luyện chuyên môn trong ba tháng để rồi sẽ đi hoạt động sâu vào dân chúng từng làng, từng xã. Bà cụ và cô em gái đã về làng xoay nghề cày cấy chăn nuôi. Tùng chỉ còn nhiệm vụ tháng tháng lĩnh lương đóng bát họ trả nợ.

Ngày hôm đầu trước khi đi nhận việc Tùng nói với Nga bằng giọng giận dỗi hằn học :

- Nốt đàn anh ghi trên trang giấy không làm đẹp em hơn chút nào thì anh đi làm vậy.

Nga vờ không nghe tiếng quay đi mỉm cười.

Sau ba tháng theo lớp huấn luyện, Tùng thường phải đi về các vùng quê để chỉ bảo người dân cách nuôi lợn, nuôi cá, nuôi gà, cách trị sâu lúa và cỏ dại nên dùng phốt-phát để bón lúa.

Công việc của anh bận lắm thì phải.

Một hôm tôi đến chơi gặp Nga cũng vừa đi phố về, Nga kể chuyện ông cậu mình ở phố Hàng Đào đã vỡ nợ, tuy bề ngoài những ngày gần đây, gia đình ông vẫn giữ vẻ đàng hoàng; cô gái lớn vẫn còn quát thẳng nhỏ lấy phốt-phát ra phủ bụi chiếc Peugeot 203 còn mới để tự tay mình lái mang các em đi ciné. Tùng đượm vẻ ngao ngán quay sang nói với tôi :

- Tôi cũng không khác gì ông cậu vợ, Sơn nhỉ ? Có lẽ nào tôi chỉ còn giữ được cái bề ngoài, còn bề trong bao nhiêu nghị lực, bao nhiêu thiết tha đều vì lo nghĩ nhiều đến sinh kế mà sụp đổ như một ngôi nhà mọt ruỗng.

Cách đó ít lâu Tùng đôi đi Kiến An. Rồi sáu tháng sau anh đôi vào Trung bộ.

Chúng tôi tự biết tình bạn của chúng tôi không thể bị thời gian hay hoàn cảnh nào làm phai mờ, nhưng chúng tôi lại đồng ý hà tiện cho nhau những bức thư sáo trống rỗng. Cho nên chúng tôi chỉ nhận được thư nhau khi có điều gì cần nói, tỉ như anh đôi sang một tỉnh mới nào, tôi đã nhập tịch giáo giới và viết giúp cho tờ báo nào v.v...

Rồi tôi thành lập gia đình. Một năm sau đưa con đầu lòng của chúng tôi ra đời. Từ đấy tôi cũng có một « tiểu vũ trụ » để phục vụ do đó thư từ càng thưa thớt. Có một điều là trong bảy tám bức thư Tùng viết cho tôi, không hề thấy nói đến nhạc. Cuộc đời anh đã qua một chỗ rẽ nào chẳng ? Có lần tôi đã viết một bức thư hỏi về chuyện đó nhưng sau e có điều gì bất tiện lại xé đi rồi chặc lưỡi nghĩ thầm :

« Đời còn nhiều lần gặp nhau lo gì. »

Quả vậy, bảy tháng trước đây tôi nhận được thư Tùng báo anh đã đổi đến làm việc ở Nha Trang, một tỉnh miền Nam Trung bộ, và đến nay tôi nhận được giấy Nha Học chính cũng chuyển tôi đến dạy ở trường trung học tỉnh đó. Nghĩ rằng mình sắp được gặp bạn sau ba năm xa cách, bất giác tôi thấy lòng mở ra, rung động như nhành tơ. Bao kỷ niệm từ khi mới gặp nhau ùn ùn kéo lại như mây khói một ngày thu.

Tới Nha Trang sau khi trình diện với ông hiệu trưởng, tôi đến ngay Tòa Tỉnh trưởng tìm gặp Tùng. Tôi được người ta cho hay Tùng hôm nay được nghỉ và anh hiện ở số nhà 7 phố T. Tôi đến tìm anh ngay mặc dầu trời âm u muốn đổ mưa.

Phố T. là một phố yên tĩnh, đường hẹp hè nhỏ nhưng sạch, có hàng bàng trồng thưa khá cao, lá xanh mượt tuy đã giữa thu rồi.

Tôi bồi hồi mỉm cười vì đã đến số nhà 7. Đó là căn nhà một tầng xinh xắn cửa ngoài sơn màu lá cây. Bên cạnh là cửa sổ, một cánh hé mở cùng màu sơn ấy nhưng chấn song màu xanh da trời. Bên trong tuy không có tiếng động nhưng hình như có bóng người.

Tôi rón bước... Vừa nghiêng đầu nhìn qua cửa sổ thì Tùng có lẽ cũng vừa ngồi dậy nhìn ra. Chúng tôi ngẫu nhiên bắt chột được nhau cùng một lúc. Mắt Tùng sáng

lên, anh giơ cả hai tay lên hơi rún người lại và cười rướn lông mày.

Tôi cốt ý không viết thơ báo trước nên Tùng không ngờ gặp tôi đột ngột đến thế. Trông anh vẫn như xưa, có điều khi nhìn nghiêm thì hơi gầy hơn một chút mà tia nhìn thì đậm đà và sắc sảo hơn nhiều. Anh chạy ra cửa vồ lấy tay tôi lắc đi lắc lại một hồi rồi cứ khư khư giữ chặt lấy. Anh hỏi :

- Sao không viết thơ báo trước ?

Tôi bóp chặt tay anh trả lời :

- Cần gì !

- Cậu hỏi ai mà biết nhà, đi tìm có lâu không ?

- Cần gì phải hỏi, cứ đi lang thang rồi nghe nói đâu có tiếng sáo Nocturne thì vào.

Tôi đáp câu ấy để dò ý tứ anh. Tùng cười sung sướng và thú thật tôi còn sung sướng hơn anh vì qua tiếng cười ấy tôi hiểu bạn tôi công trung thành với nghệ thuật lắm. Đến khi bước chân vào nhà thấy ở góc phòng hộp đàn bỏ ngổ, trên pupitre một bản đàn viết bằng bút chì có nhiều chỗ gạch xóa thì lòng tôi không còn hồ nghi gì nữa.

59 | U Hoài

Tùng gọi vợ có lẽ đương sửa soạn làm cơm ở nhà bếp tận sâu thẳm bên trong :

- Nga ơi Nga, có khách, anh Sơn !

Tiếng chị Nga reo :

- Trời, anh Sơn tuyệt quá nhỉ !

Rồi chị chạy lên.

Nga cũng như Tùng hai người đều trẻ như xưa, tôi chào chị và nói đùa :

- Trời, ba năm trời mới gặp chị mà tôi có cảm tưởng như thời gian đi giạt lùi. Chị trẻ hơn xưa nhiều chị ạ.

Chị không dấu được vẻ sung sướng và hỏi lại tôi :

- Anh đã lập gia đình và đã có cháu, thế cháu ngoan chứ ! Anh hiện có ở chơi với chúng tôi được lâu không?

Tôi vừa kịp đáp là Nha Học chính thuyên chuyển đến dạy tại trường trung học tỉnh này thì một cái vỗ vai nặng trĩu của Tùng làm tôi nhăn mặt và anh nói :

- Thế mà không viết thư báo trước cho người ta !

Nga hỏi :

- Thế chị và cháu đâu ?

- Nhà tôi có mang được năm tháng nên đến đây còn mệt phải nằm ở căn phòng mà cụ Hiệu trưởng đã thu xếp cho ở ngay tại trường.

Nga vui vẻ ngắt lời :

- Vậy ngay chiều nay chúng tôi sẽ lại trình diện cùng chị.

Chợt nhớ ra một điều tôi vội hỏi :

- Các cháu đi đâu cả chị ? Chết thật tôi đoảng quá, mãi nghĩ đến việc sắp được gặp anh chị thành thử quên khuấy chẳng mua quà gì cho các cháu.

- Có hề gì anh ! Cháu trai đã lên sáu đi học chưa về, cháu gái thứ hai lên ba nằm ngủ trong kia. Trưa nay anh hãy ở đây ăn cơm đã.

- Vâng ! - tôi đáp - Nếu chúng tôi ngồi đây nói chuyện lâu thì ăn cơm, nhớ cần phải ra phố thì chúng tôi vào hiệu, nếu qua nhà tôi thì tạt vào trong tôi ăn cơm.

- Nếu vậy tôi coi ngay là anh còn ngồi đây nói chuyện lâu. Tôi xin phép anh xuống bếp không có hỏng hết các thứ ở dưới ấy.

Khi Nga đã đi xuống bếp, tôi chỉ bản đàn trên pupitre hỏi Tùng :

61 | U Hoài

- Anh vẫn sáng tác như thường ?

Tùng gật đầu mà không đáp. Tôi tiếp :

- Đạo anh mới nhận công việc tôi ngờ anh đến phải giải nghệ.

Anh nói như cướp lời tôi :

- Giải nghệ sao được ? Những rung động của

tâm hồn là quý. Cuộc sống chỉ có nghĩa khi lao mình vào cái vô cùng của đẹp.

- Anh đang soạn dở bài gì thế ?

- Một poème symphonique đã được Việt hóa trong lời sáng tác, đề tài là truyện Phù Đổng Thiên Vương phá giặc Ân.

Tôi nhìn mấy dòng cuối cùng bản nhạc làm dở thấy từng dãy triple croches nhào xuống rồi lại vươn lên. Xin thú thật lúc đó lòng tôi tràn ngập một niềm vui vô giá. Tôi tưởng như vừa tìm thấy một vật gì quý báu mà mình cầm bằng là mất từ lâu. Tùng còn yêu âm nhạc mà lại vẫn nhẫn nại đi vào đường nhạc thuần túy. Quả vậy, theo ý tôi chỉ âm nhạc thuần túy mới đạt đến cái siêu việt của nhạc.

Tôi nói ngay :

- Con đường anh đi vẫn hiu quạnh lắm thì phải.

Tùng đáp :

- Tôi biết lắm, nhưng rồi sớm muộn nó sẽ đông. Thấy bên ngoài lấm tẩm sa mưa, Tùng bảo tôi : - Đi chơi phố nhé ?

- Thì đi - tôi đáp - rồi huýt sáo liền bài Nocturne khiến Tùng vừa thay áo vừa mỉm mỉm cười.

Khi ra tới ngoài đường, Tùng hỏi tôi :

- Anh có đọc tác phẩm nào của Pearl Buck ?

- Có đọc vài quyển.

- Xây dựng nước Tàu mới là do mồ hôi của chính dân tộc Tàu, nhưng xót xa thương nước Tàu cũ thì trong cái dòng suối nước mắt đau khổ của dân tộc Trung Hoa kia có hai giọt ngọc quý giá của Pearl Buck. Tôi sẽ yêu nghệ thuật với một tình yêu xót xa đắm thắm như Pearl Buck yêu nước Tàu. Tôi sẽ mãi mãi hướng lòng theo sự chỉ đạo của Nghệ Thuật.

Tôi hỏi :

- Anh có sợ thế giới âm thanh của anh không có chút

dân tộc tính ?

Anh khẽ lắc đầu ngẩng nhìn lên cao :

- Tôi chỉ sợ lòng mình không rung động thật. Ngẫm nghĩ một giây tôi lại hỏi :

- Mãnh liệt như Beethoven, bay bướm như Mozart, anh có khuynh hướng nào ?

- Mến phục Beethoven và Mozart là điều cả thế giới đã làm nhưng muốn làm như Beethoven hay như Mozart không phải là mình.

- Vậy vấn đề chính ?

- Vấn đề chính vẫn là phải rung động thật. Muốn rung động thật phải sống thật. Khi đã sống thật để rung động thật rồi, sáng tác chỉ là biểu lộ cái bản ngã của mình. Có lẽ đứng về phương diện tiểu thuyết thì các nhà văn như các anh ở nước ta khó mà xây dựng được một cốt truyện ly kỳ. Ở xứ còn thủ công nghiệp như xứ mình mọi sự xảy ra cũng nhỏ mọn và thủ công nghiệp, làm sao mà nhà văn thoát khỏi ảnh hưởng đó nếu muốn thành thực với chính mình. Nhưng may thay thế giới âm thanh thì không thế. Thật là một thế giới đại đồng và gần gũi bất cứ dân tộc nào miễn là dân tộc ấy có ý thức để bước vào thế giới đó.

- Tôi thật rất mừng mà thấy anh nguyên vẹn như xưa.

- Anh nhầm đấy, tôi khác xưa nhiều. Ngày xưa tôi rất say mê nghệ thuật mà quên rằng mình còn sống với đời. Quen sống với các thiên thần của nghệ thuật, khi phải cọ xát với thực tế, tôi thấy cuộc đời bỉ ổi làm sao, dơ dáy làm sao. Tình trạng tiêu cực đó dĩ nhiên đưa đến thái độ trốn tránh thực tế. Bao nhiêu công việc nặng nhọc, bao nhiêu lo âu về sinh kế, tôi lần đi để riêng mẹ, cô em gái và vợ gánh vác. Tôi tự an ủi để tặc trách lương tâm : « Mình theo đuổi nghệ thuật cần phải được rảnh rang. » Thử hỏi trong cuộc đời rảnh rang ấy tôi đã sáng tác được những gì ?

Tùng lắc đầu tự trả lời ngay :

- Trừ mấy bản đàn có tính chất nặng nề về kỹ thuật mà tôi đã lấy làm hãnh diện, mà anh đã không ngớt lời khuyến khích, sự thực nào đã có gì ? Một con số không lớn !

Tùng quay sang tôi hỏi :

- Anh còn nhớ cái ngày nào tôi ở ngoài vùng kháng chiến vào Hà Nội trước anh ?

Tôi gật đầu :

- Còn nhớ.

- Đạo đó anh có gởi vào cho tôi một bức thư. - Đúng rồi !

- Tôi hãy còn nhớ câu trong đó anh viết : « Cái thế giới hiện tại của tôi ở đây vắng bóng những tâm hồn đẹp, nhưng trong thế giới âm thanh lung linh và huyền ảo, hình ảnh bạn vẫn rõ nét và trong sáng mãi. »

Tùng nắm lấy cánh tay tôi tiếp :

- Anh có lòng nghĩ đến tôi và Nghệ Thuật, nhưng tôi đã làm được những gì cho Nghệ Thuật đạo đó ? Tôi đã không biết rằng mảnh trăng kia đẹp chính vì đã cài lên cành cây xú Người làm. Ánh sáng phải có đối tượng mới hiện hình ánh sáng, yêu ghét của người phải có đối tượng mới không băng quơ, mà Nghệ Thuật là tiếng lòng rung lên khi bảy dây tình được va chạm với cuộc sống.

Tùng cười khẽ rồi tiếp ngay :

- Trước đây tôi đã trốn sống như rễ lười không chịu đi sâu vào lòng đất thì làm sao tránh được kết quả cây cằn, hoa úa ?

Chúng tôi rời khỏi trung tâm thành phố từ lâu và đương theo đường dốc ra bãi biển. Mưa phùn đã hết tự bao giờ. Cả vòm trời để lộ một khoảng xanh bát ngát. Một đám mây khói xám nhạt bay nhanh về phía xa như

một tâm hồn cuồng khát cao cả đương lao mình vào vô biên.

Tiếng Tùng nói tiếp bên tôi :

- Bây giờ tư tưởng tôi đã « hạ sơn » để sống thực những ưu tư trên đời của kẻ làm người. Thấy tôi thay đổi Nga có vẻ khoái lắm. Anh xem bây giờ tôi đi sâu vào giữa đám những người dân, chỉ bảo họ cách nuôi gà cho khỏi toi, nuôi lợn cho mau béo, bón phốt-phát vừa đủ cho lúa khỏi ộp. Rồi nhìn đồng ruộng trên đất Việt xanh rờn ngút ngàn, tôi cảm thấy lòng tràn ngập một niềm vui mênh mông. Niềm vui mênh mông ấy khi tôi không sao nói được nên lời thì tôi nói lên nhạc và chỉ lúc ấy tiếng nhạc mới là tiếng lòng thật của tôi. Chính tiếng ngựa hí, chính cái vui từng bừng và sấm sét của đoàn quân Đức Phù Đổng khi cả phá giặc Ân mà tôi tả trong poème symphonique anh vừa thấy ở nhà khi nãy là cái vui qua tôi khi tôi đã làm đầy đủ bổn phận của thằng người. Thì ra chính cái tự do phóng túng của những mộng lớn bắt nguồn ở cuộc sống có bờ lũy kia. Miễn là mình phải sống cho đầy đủ cuộc sống đó.

Chúng tôi vừa lên khỏi dốc, bên tay phải chúng tôi biển chợt hiện lên trước mắt xanh ngời khiến tôi có cảm giác như tâm hồn tôi vừa nhào ngã một cách êm ái lên tấm thảm xanh dịu mênh mông đó, đồng thời tôi thấy trong tôi vừa nở một cái gì quý giá vô cùng. Cái gì đó

hình như đã có ở trong lòng vạn vật từ muôn thuở và cái gì đó tuy là một thứ quý giá vô ngần nhưng lại lấy đi không bao giờ hết. Tôi cười nắm lấy vai Tùng và nói :

- Tôi hiểu ! Tôi hiểu ! Cuộc sống vẫn đầy đủ mà nghệ thuật vẫn vô tư để tiến mãi đến cõi tận thiện, tận mỹ.

Tiếng Tùng cười vang và chúng tôi cùng dừng lại. Tôi quay về phía tay trái để không thấy biển nhưng tiếng sóng dạt dào vang vang lại vẫn gọi lên trong trí tôi cái chập chùng của biển. Cảm giác chập chùng ấy chợt mờ đi và đắm vào trong cái chập chùng mênh mông hơn : Ấy là tình yêu Nghệ Thuật của chúng tôi !

Tiếng Địch Quê Hương

Những chuyện ngẫu nhiên trong đời nhiều khi thật kỳ thú mà rất khó giải thích. Có những ngẫu nhiên gặp đi gặp lại nhiều lần đến nỗi người ta chột cảm thấy như sự kiện đó có ẩn một quan hệ duyên kiếp. Riêng về phần tôi, thường đúng vào lúc đương băng khuâng đến cửa độ trước một cảnh nào, hoặc đương thật băn khoăn, thật bức tức vì điều gì, thì chột tiếng tiêu hoặc tiếng địch nổi lên. Tiếng tiêu tiếng địch đó có hiệu lực kéo tâm hồn tôi trở về với một thực tại thoải mái làm sao, bình tĩnh làm sao. Băn khoăn và bức rọc tan đi như một ảo giác của tâm linh, tôi thấy lòng nhẹ nhàng, vui sướng như chú nhỏ giữa đường xa bỗng gặp mẹ hiền.

Bạn hỏi :

- Vì sao ?

Tôi lắc đầu xin thưa :

- Chính tôi cũng không hiểu.

Và cách đây hơn một năm...

Lần đó tôi đã thức trắng ba đêm liền để viết bè cho bản nhạc Tiếng Địch Quê Hương.

Chưa bao giờ tôi làm việc say sưa đến như vậy. Tối đêm thứ ba, khi ánh sáng đã le lói bên cửa sổ làm nhạt ánh điện ở bàn làm việc thì bè trầm nhất tôi viết cho contrebasse cũng vừa xong. Công việc hoàn thành !

Tiếng xe hơi, xe gắn máy đã rộn rịp ngoài đường tự bao giờ. Tôi đứng dậy vươn vai, dáng thì mệt mỏi mà sự thực tâm trí cực kỳ sáng khoái tưởng như vừa thức dậy sau một đêm dài đầy giấc. Tiếng Địch Quê Hương !

Tôi có ngờ đâu mình lại có dịp viết bè đệm cho Tiếng Địch Quê Hương. Với tôi, việc này có tính cách thiêng liêng như trước đây mỗi khi tôi mua quà biếu dâng lên mẹ già.

Tiếng Địch Quê Hương !

Nếu hòa âm của tôi thành công thì sự thành công rực rỡ chẳng kém chính tôi đã sáng tác ra Tiếng Địch Quê Hương !

Suốt ba đêm trường tôi đã đắm mình trong vắng lặng của khuya khoắt, nhưng cũng là đắm hồn trong cái ồn ào siêu âm của dĩ vãng để viết lên những tang hòa âm đó.

Tiếng gió xào xạc trong ruộng ngô của cánh đồng nhà, màu úa vàng của tàu cau sắp rụng, màu xám nhạt của mái tranh, màu đỏ hồng của dòng sông quê hương...

tất cả những thứ đó như đọng lại rồi thoáng biến thành âm thanh phần đệm để làm nổi bật giai điệu của Tiếng Địch Quê Hương.

Quê tôi là một làng thuộc huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, ở ngay bên bờ sông Hồng. Những ai đã từng không ngớt lời ca ngợi cảnh quê thanh bình của đất nước, tôi đâu dám cãi, nhưng xin thú thực riêng tôi mỗi khi nhớ lại quê nhà, tôi vẫn cảm thấy một điều gì buồn buồn, xa xôi đấy, mà cũng thấm thía đấy.

Năm lên sáu tôi từ Hà Nội về thăm quê lần đầu vào dịp cụ tôi mất. Đến nay tôi còn như thấy văng vẳng bên tai tiếng kèn nhà đám, tiếng kèn thảm thiết và đôi khi bất chước tiếng nỉ non kể lể của các con cháu.

Sau ngày cụ tôi mất, ông tôi không ra Hà Nội với thầy mẹ tôi nữa; người ở luôn quê nhà và cũng vì vậy mà tôi mới được dịp về thăm người luôn. Nhắc đến quê hương, tôi còn như thấy hiển hiện ra trước mắt một cảnh đẹp vô ngần. Đó là cảnh chiều chiều ông tôi ngồi dựa vào án thờ uống rượu; xung quanh là lũ con cháu; ngồi ở ngoài rìa chiếu là chú Miu; ngồi ngay bên dưới sát bực cửa là con chó Vàng. Trong nhăm nháp, những miếng xương nhỏ ông tôi cho mèo, những miếng xương lớn ông tôi cho chó. Một bức tranh hòa hợp giữa người

và vật và cũng là giữa người với thiên nhiên với những nét thuần túy Việt Nam ! Mỗi lần về thăm quê như vậy, sau bữa cơm chiều tôi thường theo chú Ba lên đê nghe chú thổi ống địch. Ông tôi sinh được ba người con trai, Bác Cả tôi phải ở nhà quê ngay từ thuở bé theo học chữ Nho để sau này giữ gia phả thờ phụng tổ tiên, cha tôi được theo Tây học rồi chuyển sang ngành kiến trúc, còn chú Ba qua một thời theo học ở Hà Nội nay về quê, vừa trông nom ruộng nương, vừa mở lớp dạy võ lòng cho lũ trẻ trong làng.

Nếu trên đời có những người mình ác cảm đến nỗi tìm hết cách để tránh mặt như tránh một cục hình, thì cũng có người mình thấy thiết tha muốn gần. Mến người đó mà gần, rồi gần người đó mà mến lây cả cuộc đời. Người đó với tôi chính là chú Ba.

Chú Ba hơn tôi mười tuổi. Hồi chú còn theo học ở Hà Nội, các bạn của thầy mẹ tôi nhiều người lầm tưởng chú Ba với tôi là hai anh em. Chú Ba có biệt tài thổi ống địch, đã từng ru tôi ngủ trong những buổi trưa hè oi nồng của thành phố. Giấc mộng thơ ấu của tôi chấp chờn nương theo thứ âm thanh hiền hòa ấy mà tưởng như mình đi giữa những làn sóng xanh thơm của đồng lúa quê nhà. Tiếng địch của chú Ba ngay từ thuở đó đã lẫn quất một nỗi niềm ngao ngán. Phải chăng đó là âm hưởng của một tâm hồn giàu tình thương mà bất lực

trước cuộc đời ?

Có một dịp vào cuối năm chú Ba ở trong quê ra đón tôi về ăn Tết.

Sớm hôm đó hai chú cháu tôi đương từ Hàng Bông đi xuống bến ô-tô Cửa Nam chợt có tiếng sáo tuyệt hay vẳng lại. Chúng tôi bèn đi ngược lên Hàng Gai tìm gặp tiếng sáo. Chúng tôi gặp một người mù tay dắt con chó vàng giống hệt con chó Vàng của ông tôi. Con chó dẫn chủ đến trước từng cửa hàng. Mỗi khi dừng lại như vậy người mù cất sáo lên miệng thổi. Tiếng sáo thê lương ảo não tưởng như người mù muốn tự vẽ cuộc đời tiêu tụy của mình bằng những âm thanh đó. Con chó chỉ chịu đi khi người trong cửa hàng đã cho chủ nó tiền.

Trước đây tôi đã được đọc báo biết bên Anh có những con chó khôn của các nhà đại tư bản, tới bữa tự đến khách sạn để bồi dọn cho ăn rồi lại trở về nhà. Tôi so sánh thâm cái khôn của con chó Anh và cái khôn của con chó vàng đương dắt chủ mù kia, cái khôn nào đã để lại trong lòng người nhiều ấn tượng ? Chú Ba đứng lại bên tôi vẽ suy nghĩ đăm chiêu. Tôi biết hình ảnh người mù tiêu tụy với tiếng sáo não nùng cùng con chó có nghĩa đã làm chú tôi xúc động nhiều lắm.

Sau này có nhiều bạn đi nước ngoài về kể chuyện cách thức người Anglo-Saxon hay phân biệt nòi giống khiến tôi sực nhớ lại chuyện so sánh trên về hai con chó.

Máy móc tự nó đã không cảm thông được với loài người thì sao người ta lại nhảm mà kiêu hãnh vì máy móc ?

Tôi hết lòng mong cho nước Việt theo kịp đà văn minh nhân loại, nhưng tôi vẫn nghĩ rằng : Nếu văn minh chỉ là lầu cao cửa rộng, nhà máy lớn, hầm mỏ nhiều không thôi, thì sao bằng một đạo đức của Thánh Gandhi, một bài thơ của Tagore, một ông trúc khoét thành sáo của người ăn mày mù với con chó có nghĩa ?

Ngay sau buổi sớm nghe sáo đó, tôi cùng chú Ba về quê để sửa soạn Tết.

Qua cổng làng, vừa rẽ vào đầu ngõ xóm, chú tôi dừng lại trước một căn nhà tiêu tụy trong đó vẳng ra tiếng một đứa trẻ gái. Nó đang học bài nêu cao đạo hiếu :

« Thầy Tử Lộ thuở hàn vi đội gạo thuê nuôi mẹ, đến khi thầy thi đỗ ra làm quan thì mẹ đã khuất núi. Thầy đem ngày ân hận thường nói thà vẫn đội gạo mà có mẹ còn hơn giàu sang chung đỉnh mà mẹ đã ra người thiên cổ. »

Lời văn dung dị, thật hợp với tiếng đọc trong trẻo thơ ngây của đứa trẻ gái. Tôi thoáng thấy hình như chú Ba rơm rớm nước mắt. Chắc là chú nhớ đến bà tôi. Bà tôi sinh ra chú được một năm thì mất, trong nhà không có một bức ảnh nhỏ. Chú tôi vẫn ân hận là mẹ sinh ra mà chẳng hề được biết mặt mẹ.

Ngay lúc đó con bé tự trong nhà chạy ra. Nó vừa là vai cháu họ, vừa là học trò chú tôi. Tên nó là cái Tín.

Tín trông thấy chú Ba vội khoanh tay cúi chào.

Chú tôi hỏi :

- Cháu Tín thuộc bài rồi chứ ?

Tín đáp :

- Thưa chú, cháu thuộc bài rồi ạ.

Tín cũng mồ côi mẹ từ năm lên hai. Chú tôi hỏi thêm:

- Học bài thầy Tử Lộ cháu có thấy nhớ mẹ không ?

Tín khẽ gật đầu. Tóc nó xõa đến vai, khuôn mặt tuy lem luốc nhưng đôi mắt thơ ngây to và đen của nó thoáng một vẻ thương cảm vô cùng.

Chú Ba dặn Tín :

- Bài này cháu phải thuộc lầu nghe không, bất kỳ lúc nào chú bắt đọc cũng phải đọc trơn nghe không ?

Khuôn mặt lem luốc của Tín hơi cúi xuống nhưng đôi mắt đen của Tín mở to hơn, cô bé kính cẩn đáp :

- Vâng ạ.

Buổi chiều hôm đó, theo thường lệ sau bữa ăn tối và chú Ba thủng thẳng lên đê. Không khí về chiều lạnh ngọt.

Một số người đi sắm Tết về muộn rảo bước. Vài tia nắng tàn còn sót trên dòng sông hiền lành chẳng bao lâu cũng nhòa đi. Tình cảm của tôi hầu như cũng ngưng đọng với bóng chiều. Chính vào lúc đó tiếng địch của chú Ba nổi lên. Âm điệu na ná như khúc ca sa mạc cổ, nhưng có nhiều chỗ bổng trầm cùng những tiếng láy. Bản nhạc vừa phong phú vừa đượm màu sắc dân tộc khiến tôi ngồi nghe mà chợt có cảm tưởng như mình lạc vào một khu vườn trắng lạnh, có bóng dừa đổ xuống, có tiếng lá chuối quạnh hiu và có hương cau thơm ngát.

Thưa các bạn, đó là khúc nhạc mà tôi mệnh danh là Tiếng Địch Quê Hương. Chú Ba đã sáng tác khúc này sau khi xúc động sâu xa bởi hình ảnh người mù tiêu tụy, con chó có nghĩa và bài học học nhắc về thầy Tử Lộ của

cái Tín. Vì được gần chú Ba nên tôi hiểu những hình ảnh trên không phải chỉ rời rạc nông cạn có thể, trái lại kết hợp thành một khối để gợi lên một toàn thể điển hình của đất nước. Hình ảnh người mù tiêu tụy cũng là hình ảnh đau thương của người Việt sau nạn đói 1945, hình ảnh con chó có nghĩa cũng là hình ảnh chung thủy ở bất cứ hoàn cảnh nào đã từng biểu lộ trong những câu tục ngữ ca dao :

Con không chê cha mẹ khó, chó không chê chủ nghèo.

Và :

Anh đi anh nhớ quê nhà,
Nhớ canh rau muống nhớ cà dầm tương.

Sau cùng lòng hiếu hạnh của thầy Tử Lộ cũng là thứ tình cảm bàng bạc ở bất cứ một tâm hồn người Việt nào.

Tiếng địch êm đềm...

Tiếng địch nỉ non... ngân nga dằng dặc buồn như tiếng guồng xa.

Dòng sông trước mắt tôi chìm dần trong bóng chiều. Mấy ngôi sao hiếu kỳ mọc sớm lấp lánh trên vòm cao lạnh. Tôi cảm thấy rõ ràng tiếng địch của chú Ba không phải là một lời ca nô lệ cho ngoại vật mà là một tiếng ca của đạo đức khi hồn người chợt được giao cảm với

thiêng liêng.

Về sau này tôi có dịp thăm Âu châu thấy ở miền biên giới nọ, những người đàn bà trạc bốn năm mươi tuổi còn làm chiêu đãi viên ngồi hầu bàn rượu, điều này càng khiến tôi cảm thấy thấm thía cái đẹp vọi vọi của nền đạo đức Việt. Tôi nhớ lại cảnh những bà mẹ Việt ngược xuôi tảo tần và tôi thấy vẻ xác xơ trong cảnh nghèo đói chính lại tiêu biểu cho cuộc bại trận chua cay của sức mạnh nhu cầu vật chất trước sức mạnh tinh thần người Việt. Và ngay lúc đó tự nhiên tiếng địch của chú Ba như từ quê hương vẳng tới làm tràn ngập hồn tôi một nỗi niềm băng khuâng hiền hòa, tựa sương thu về chiều dâng màu biển trắng ử lấy những làn mạc, những cánh đồng.

Kể từ buổi chiều đầu tiên tôi nghe Tiếng Địch Quê Hương tôi nhận thấy càng về sau khúc nhạc càng được trau chuốt. Có lần thêm thất ý nhạc mới. Việc sửa gọt và thêm thắt đó chú tôi thực hiện ngay trên ống địch tùy theo cảm hứng hoàn cảnh.

Suốt vụ hè 1945, tôi về ở quê. Không khí khắp nơi sôi nổi cách mạng. Nước sông Hồng hình như cũng theo đà tình cảm của dân tộc mà dâng lên quá mức thường. Dư luận dân chúng xôn xao vì sợ lụt. Nhà tôi ở chỗ thấp

nhất, nước thấm qua đê đã ngập đến vỉa hè. Bác Cả, chú Ba và tôi đã chạy được một số lớn đồ đạc cần thiết ra đình làng. Ông tôi nhất định ngủ nhà đêm hôm đó, Người cho rằng mức sông không thể cao hơn được.

Tới nửa đêm bỗng một tiếng « ầm » vang động cả vùng, rồi tiếng nước réo tứ phía sông. Đê vỡ !

Bác tôi bật khóc nức nở :

- Trời ơi, ông !

Lòng chúng tôi thắt lại.

Chú Ba lập tức dùng chiếc thuyền thúng đi tìm ông tôi. Dân làng leo lên nóc đình đốt đuốc sáng rực. Tôi hồi hộp nhìn chiếc thuyền nhỏ của chú Ba xa dần khỏi vùng lửa đuốc, chao chát như một chiếc lá úa bị cuốn theo dòng nước lũ.

Chiếc nhà lá ba gian hai chái của ông tôi đã bị cuốn theo ngay với luồng nước đầu tiên. May sao bên cạnh là điện thờ Đức Thánh Trần Hưng Đạo xây gạch, ông tôi sang đó kịp, trèo lên xà điện, đỡ ngói lên nóc.

Khi thuyền chú Ba đến đón, ông tôi còn đương bần khoăn thương con Miu và con Vàng bị nước cuốn mất.

Nước tràn vào ruộng suốt ngày hôm sau rồi đứng. Chiều tối hôm đó chú Ba ngồi dựa vào một góc hiên đình thổi Tiếng Địch Quê Hương. Tôi lắng nghe chợt nhận thấy chú Ba có thêm vào đoạn cuối một ý nhạc mới nghe như khuyển lơn, như vỗ về.

Dân làng theo lên nóc đình quan sát báo tin mực nước bắt đầu rút.

Nước lúc rút thường nguy hiểm hơn lúc ủa vào.

Dưới ánh đuốc tôi thấy các đợt sóng xô nhau thành từng khoảng xoáy lớn.

Chú Ba vẫn mãi mê với tiếng địch. Tôi tới ngồi bên chú mà hầu như chú không biết. Mỗi khi nghe đến ý nhạc mới, không hiểu sao tôi nghĩ đến chuyện Orphée lúc xuống âm phủ tìm nàng Eurydice, đã dùng tiếng sáo để quyến rũ các thần linh. Tôi ngủ thiếp đi trong tiếng địch dìu dặt. Sớm hôm sau khi bừng tỉnh dậy thì nước đã rút hết. Dân làng xô nhau đến những khoảng nước xoáy thành vục để tìm những vật dụng của nhà mình bị cuốn tới đó như mâm đồng, chậu thau, lọ lục bình v.v... Tiếng Địch Quê Hương vẫn như chập chờn bên tai và tôi có cảm tưởng tiếng địch đã vỗ về cho thần sông nguôi giận.

Hiệp ước mồng 6 tháng 3 ký kết, quân đội viễn chinh Pháp được vào đóng tại các thành phố lớn Bắc Việt để rồi mấy tháng sau gây thành cuộc chiến tranh toàn quốc. Cuối năm đó lệnh « tiêu thổ kháng chiến » ban ra. Điện thờ Đức Thánh Trần của ông tôi bị phá đi chính vào dịp này. Ông tôi thở dài ngao ngán khi thấy chúng tôi trèo lên nó dỡ ngói để phá tường. Rồi người chống gậy ra đi đến ở li đảng cô tôi mãi đến hơn một tháng sau, nghĩa là đến chiều Ba mươi Tết năm đó, người mới chịu về. Tôi hiểu việc phá điện thờ làm người đau đớn. Trước đây, tuần Rằm, mừng Một chúng tôi phải tắm rửa sạch sẽ mới được phép bước vào điện lễ.

Tôi nghĩ rằng điện thờ xây cất lên để cụ thể hóa niềm tin của tâm hồn, tin vào một cái gì thiêng liêng ở trên con đường.

Người ta có thể nói khác nhau là tin ở Trời ở Thượng Đế, ở Phật, ở Đức Thánh Trần, ở Tận Thiện, Tận Mỹ v.v... cái đó có hề gì, miễn là có Đức Tin !

Con người gần đây coi thường công lý và bác ái, say mê trong lọc lừa chém giết há chẳng vì tâm hồn họ không có thiết lập lấy một bàn thờ của niềm tin ?

Chiều Ba mươi Tết năm đó sau khi đã cúng cỗ tất niên, không hiểu nghĩ sao ông tôi gọi :

81 | U Hoài

- Thăng Sơn đâu, đem cái « hồ tây » ra đây kéo cho ông nghe một bài !

Ông tôi gọi cây đàn vĩ cầm của tôi là cái « hồ tây ».

Tôi vâng lời, mang đờn đến kéo một bản hành khúc. Nghe xong, người gật đầu khen :

- Được, cháu kéo « hồ tây » hay lắm !

Rồi quay sang nhìn chú Ba, người nói với một giọng âu yếm khác thường :

- Thăng Ba thôi ông địch cho Thầy nghe, con !

Chú tôi mang ống địch ra, trình trọng lấy khăn tay lau kỹ. Ông tôi ngồi vuốt râu chờ. Bên ông tôi thiếu mất hai con vật thân thuộc : con Miu và con Vàng.

Trên bàn thờ lúc đó đèn nến sáng choang, hương trầm nghi ngút càng làm tăng vẻ trang trọng của ngày cuối năm.

Tiếng Địch Quê Hương của chú tôi nổi lên.

Quả thật Tiếng Địch Quê Hương là bản « linh hồn ca » của chú Ba. Tiếng địch quen thuộc là vậy mà mỗi lần nghe tôi lại hầu như khám phá thêm được một vẻ đẹp mới lạ nào.

Đến cuối bài, chú tôi thổi chậm hẳn rồi bỗng thêm vào ý nhạc mới với những tiếng láy nức nở nghe thê lương quá đỗi.

Tôi rùng mình, nước mắt rung rung lên.

Đầu Giêng năm đó ông tôi nhứt định hỏi vợ người làng cho chú Ba và cưới liền tay. Đến cuối Giêng người bị cảm nặng, qua mấy ngày thì mất. Tôi nghĩ đến Tiếng Địch Quê Hương, đến ý nhạc thê lương nức nở. Không hiểu có phải với trực giác của nghệ sĩ chú tôi đã linh cảm thấy trước ngày cuối cùng của ông tôi và tiếng địch chiều Ba mươi Tết hôm đó là lời ai điếu của người con hiếu vĩnh biệt cha già lần chót ?

Rồi chiến tranh lan đến quê nhà. Đại gia đình tôi tản cư vào sâu miền Hòa Bình. Thím Ba có mang được bốn tháng bị băng thai chết sau một cơn sốt điên cuồng. Bác Cả sốt thương hàn chết vì không đủ thuốc. Mẹ tôi bị sung lá lách suýt nguy đến tánh mạng. Thầy tôi vội đưa mọi người về Hà Nội. Hồi đó vào năm 1948. Ở lại kháng chiến còn tôi và chú Ba, nhưng hai chú cháu ở hai cơ quan nên ít khi được gặp nhau. Tôi thích ngâm Kiều bị các anh em trong đoàn thể phê bình là lạc hậu nên thôi. Chú Ba nghe đâu cũng bắt ông địch, vì Tiếng Địch Quê Hương bị anh em cùng cơ quan chỉ trích là kém « tinh thần đấu tranh » thiếu « đảng tính ».

Năm 1951 bắt đầu các cuộc học tập tẩy não để chuẩn bị năm 1952 « phóng tay phát động phong trào đấu tố ».

Hai chú cháu tôi gặp nhau để cùng về Hà Nội vào dịp đó.

Chúng tôi đi đường thủy, qua làng vào một buổi chiều. Tôi toan ghé thuyền rồi lên thăm nhà một lát, nhưng chú Ba ngăn lại e sau này có điều bất tiện cho anh em bà con.

Dạo đó đương mùa nước lên và nhà tôi thì ở ngay rìa làng, nên khi thuyền lái sát bờ, hai chú cháu tôi còn trong thấy rõ nền gạch hoa của gian điện thờ Đức Thánh Trần cũ. Tường và cổng quanh nhà đều bị tàn phá, duy có cây cau giữa sân là còn lắt lay hồn nhiên với gió chiều. Thân cau bạc phếch cao vút in bật trên nền sẫm của chân trời về chiều. Quanh làng tre bị đẵn hết nhưng đây đó còn một điều. Đứng xa nhìn qua cảnh làng như vậy tôi thừa đoán được rằng các bà con tôi trong đó cũng chẳng sung sướng gì.

Tôi rùng mình... choáng váng... Bóng chiều sẫm xuống : Tiếng Địch Quê Hương vừa nổi lên, rất hợp tình, hợp cảnh.

Chao ôi ! Lâu lắm tôi mới được nghe tiếng địch !

Và cũng lâu lắm chú tôi mới lại thổi địch !

Ánh chiều tắt hẳn... trời thấp xuống. Tôi đứng ở ngay đầu thuyền nhìn ra xa. Nước mây man mác làm sao ! Trên mặt sông sóng gợn chập chùng, những cây củi khô mải miết xuôi như những kiếp người không còn tự chủ phó mặc cho dòng thời đại cuốn đi.

Trong cái giả dối mênh mông của bức tranh vân cầu thế giới, tôi đã tìm thấy một cái thật ở Tiếng Địch Quê Hương. Tâm hồn trống rỗng, vô vị của tôi, chỉ trong khoảnh khắc đã được rót đầy âm thanh thoải mái sạch sẽ và tràn trề sức sống của Tiếng Địch Quê Hương.

Có lẽ ở khắp nơi con người đều bị đầy ải, nhưng nếu hồn được bắt rễ ở quê hương thì những đầy ải đó chỉ làm cho cuộc sống thêm ý nhị. Con thuyền đang xa dần quê hương, nhưng quê hương không mất bởi chú Ba, bởi Tiếng Địch Quê Hương cùng với tôi cùng ngược về Hà Nội.

Tới Hà Nội, ngày tôi đi dạy học, tôi đi đánh đàn cho một tiệm nháy. Tôi dờn bỏ cái thế giới bạo tàn của đấu tố để vào cái thế giới hèn hạ của lũ người phì nộn, mua quan bán tước, sống trên xương máu của đồng bào. Cuộc đời quanh tôi ô trọc, nhày nhụa quá đỗi. Tôi chỉ thông cảm được với bản thể của sự sống, với lẽ cao quý của sự sống khi tiếng địch của chú Ba nổi lên.

Tháng 7-1954.

Hiệp định Genève đã ký kết !

Một cuộc cắt xén đau đớn nhất trong lịch sử Việt Nam !

Một cuộc mặc cả bỉ ổi nhất giữa thực dân với thực dân, giữa thực dân với quốc tế. Một sự phản bội trắng trợn nhất, tàn nhẫn nhất, đê hèn nhất của lũ bất nhân «Đảng trên hết».

Dân chúng bắt đầu di cư từng đợt.

Thầy mẹ tôi ở lại để trông nom mồ mả tổ tiên. Đứa em gái lớn của tôi ở lại trông nom thầy mẹ tôi. Chú Ba cũng không có ý đi. Chú còn phải trở lại Hòa Bình để mang hài cốt bác Cả và thím Ba về làng.

Tôi đi một mình !

Sau khi đã nghe tôi trình bày ý kiến cương quyết ra đi, mẹ tôi thở dài sườn sượt suốt ngày hôm đó. Thầy tôi chỉ nghẹn ngào nói được một câu :

- Con ra đi nay mai nước nhà thống nhất, gia đình lại đoàn tụ thì hay, chẳng may trường hợp xảy ra giống Cao Ly, Tàu, bức màn sắt buông xuống thì bố con không biết bao giờ mới gặp nhau !

Mãi đến bữa cơm chiều hôm sau không khí bình tĩnh mới trở lại. Kể từ đó tôi lẳng lặng thu xếp mọi công việc, nào đi khai giấy, nào may túi đựng đồ lặt vặt, xếp sẵn quần áo vào va-li. Thỉnh thoảng tôi cùng bạn đi Hà Đông, đi Gia Lâm hoặc đi Bắc Ninh vắng một hai ngày để sửa soạn không khí ly biệt. Tôi cho gửi va-li đến nhà bạn trước. Tôi biết gia đình tôi ai nấy quá giàu tình cảm, tôi lại biết hơn nữa cuộc chia ly này khá dài nên tôi quyết ra đi thật bất ngờ để tránh mọi đau đớn.

Tôi nhìn quanh các đồ đạc thân thuộc trong nhà và tự hỏi lần cuối cùng tôi nhìn căn nhà này ư ? Tôi trèo lên cây ôi trước cửa, nhìn ra đường phố và tự hỏi : mình trèo cây hôm nay là lần cuối cùng ư ?

Nhìn thẳng em nhỏ tôi chơi bi trong góc nhà, tôi tự hỏi : hôm nay còn được nhìn em mai đây đằng đẵng biết bao giờ mới gặp ?

Lòng tôi thất lại.

Tới ngày đi, tôi bí mật báo cho chú Ba và cô em gái lớn biết trước.

Đêm hôm đó chú Ba ở buồng bên đem ống địch ra thổi. Tôi biết là chú có ý tiễn biệt tôi bằng Tiếng Địch Quê Hương.

Nghe tiếng địch của chú, tôi đã khóc như một đứa trẻ, đồng thời căm thù cộng sản với một cuồng nhiệt man rợ.

Sớm hôm sau tôi nói dối với Thầy Mẹ là phải đi vào Hà Đông có chút việc.

Rồi ra đi.

Chú Ba và cô em gái lẳng lặng tới tiễn tôi ở Nhà hát Lớn. Khi ô tô bắt đầu chuyển bánh, em tôi ôm mặt khóc rung rức. Chú Ba rom róm nước mắt nhưng bình tĩnh gơ tay vẫy tôi một lần chót.

Sang tới trường bay Gia Lâm, mãi đến hai giờ chiều phi cơ mới cất cánh.

Tôi nhìn xuống, những cánh đồng đất lờ đờ đỏ, những khoảng ruộng mạ xanh non, khắp nơi đều lấp lánh nước. Tôi có cảm tưởng như mình đang ngắm một bức sơn mài vĩ đại và xót thương cho mảnh giang sơn gấm vóc đó rơi vào tay cộng sản.

Tới Sài Gòn tôi tiếp tục dạy học. Tôi lại ghi tên lên đại học. Vài tháng sau tôi được anh em cử đi dự hội nghị « Sinh viên Ký giả Quốc tế » họp ở Mayence.

Chính vào dịp này tôi được thăm hầu hết các nước Tây Âu. Ở đâu dân chúng cũng thuần hậu, nhã nhặn đáng yêu như nhau. Thì ra những cuộc bàn cãi, những cuộc mặc cả quốc tế, những cuộc chia cắt đau đớn như trường hợp đã xảy ra cho nước Việt Nam đều do các chính khách chuyên nghiệp của họ chủ trương định đoạt. Những chính khách đó không hề đại diện cho họ, chúng đại diện cho thiểu số tư bản, thực dân mà tư bản, thực dân thì cũng vô tổ quốc như cộng sản vậy !

Tôi còn được dịp chứng kiến cảnh dân chúng Pháp biểu tình đòi chính phủ Pháp ngưng chiến Bắc Phi.

Trên con đường từ Pháp qua Đức tới thăm Vienne, kinh thành Áo, tôi cùng đi với một anh bạn sinh viên người Bỉ. Qua St. Blasien, chúng tôi tạt vào điều dưỡng viện thăm ba anh và một chị sinh viên Việt Nam nằm dưỡng bệnh lao ở đây. Rồi hứng chí tôi rủ anh bạn Bỉ leo lên núi, đi sâu vào rừng thông mông mênh với những lối đi ngang dọc thẳng tắp và những máng dẫn nước từ đỉnh núi xuống cho dân thành phố dùng. Tới quãng rừng kia chúng tôi cùng dừng lại vì thoảng có tiếng địch đâu đây.

Tôi lắng nghe và nhận rõ ai đó đang thổi khúc Allegro Non Troppo trong Symphonie Pastorale của Beethoven. Lần theo tiếng địch, chúng tôi rẽ vào một lối mòn. Càng tới gần chúng tôi càng nghe rõ thêm tiếng

nước róc rách.

Thành thử tiếng nước trong máng đã làm nền hòa âm cho giai điệu tiếng địch. Thật hợp với ý của Beethoven muốn tả trong đoạn này cảm giác êm ái của nhạc sĩ khi vừa tới cánh đồng có suối.

Hai chúng tôi chợt nắm tay nhau dừng lại ! Trước mặt chúng tôi, dưới vòm thông cáo vút, tựa vào một gốc cây, ngay bên máng nước, là một thiếu nữ Đức. Nàng đương thổi ống tiêu, thứ ống tiêu nhỏ đặc biệt của các trẻ chăn cừu miền núi. Vì nàng quay mặt về phía trước nên chúng tôi chỉ được thấy mớ tóc vàng ánh phía sau. Nàng mặc áo lót mình trắng, váy kẻ ô màu xanh thẫm. Nàng có vẻ là một nữ sinh viên đến dưỡng bệnh, nay vừa khỏi còn chờ ngày ra.

Tới Vienne, tôi bị nhức đầu vì những bản valse liên tiếp suốt ngày đêm và đòi trở về Pháp ngay. Vì thấy tôi nhiều lúc có vẻ suy nghĩ xa xôi, anh bạn đồng hành đã có lần nhìn thẳng vào mặt tôi cười hỏi :

- Hình như anh tương tự nàng tiên tóc vàng trên núi xanh ?

Tôi lắc đầu đáp :

- Tôi chỉ tương tự tiếng tiêu của nàng thôi anh ạ.

- Anh nói thật ? Nếu chỉ xé tiếng tiêu không thì xoàng chết !

- Thật anh ạ, người Á Đông chúng tôi thường nói : « Biết xem cục đất như hòn vàng, cục đá như hòn ngọc, đó là hạng người có hạnh. » Tôi cũng cố noi gương cổ nhân mà tìm ở tiếng tiêu bình thường kia một cái cầu giao cảm giữa người với vũ trụ.

Trên đường về nước Pháp chúng tôi có dừng lại một ngày ở thị trấn Schaffuse. Ngồi dưới chân tường một nhà tu cổ xây từ thế kỷ thứ XII, nhìn cảnh hùng vĩ của thác sông Rhin, bấy giờ tôi mới ôn kỹ lại cảm giác khi gặp « nàng tiên tóc vàng » thổi ống tiêu. Tôi thấy sở dĩ hình ảnh nàng đã làm tôi xúc động chính vì ở nàng có một vẻ hồn nhiên giống cái hồn nhiên của trẻ mục đồng Việt, và tiếng tiêu của nàng nhắc tôi nhớ đến Tiếng Địch Quê Hương của chú Ba. Tuy nhiên tiếng tiêu của « nàng tiên tóc vàng » đã dẫn tôi vào một thế giới chan hòa ánh sáng của Tây phương. Theo ý tôi, với ánh sáng quá nhiều người ta chỉ cảm thấy bề rộng mà không cảm thấy chiều sâu. Thực khác hẳn với tiếng địch của chú Ba đã dẫn tôi vào một đêm trăng sáng dịu dịu man mác, ở trong đó tư tưởng tôi được đi vào chiều sâu trước khi tỏa lên bề rộng. Nương theo tiếng địch của chú Ba nhiều khi tôi có cảm giác như mình đang dang đôi cánh tay, thốt nhiên rộng lớn vô ngần, để ôm lấy vũ trụ.

Và tôi bùi ngùi cảm động nghĩ thầm :

Có lẽ lâu lắm, còn lâu lắm và - biết có bao giờ không?
- tôi mới lại có dịp được nghe Tiếng Địch Quê Hương.

Tôi lên đường về nước vào cuối tháng Mười 1954,
sau ba tháng vắng mặt tại Sài Gòn.

Đạo đó các anh em còn đương bận tít tít trong hội nghị thảo luận với các bạn sinh viên miền Nam để xúc tiến thống nhất sinh viên toàn quốc, nên khi tôi xuống trường bay Tân Sơn Nhất chẳng có ai ra đón.

Tôi lên xe ta-xi về thẳng nhà.

Vừa tới cổng tôi nghe có tiếng địch trong nhà thoát ra. Trời ơi, Tiếng Địch Quê Hương !

Tôi nhảy bỏ mấy bước lên thềm mở tung cửa.

- Chú !

- Cháu !

Chú Ba đến với tôi do chuyến tàu đặc biệt mà Ủy hội Quốc tế can thiệp cho những đồng bào di cư muộn.

Chú Ba đã lên Hòa Bình cải táng cho bác Cả, thím Ba, đưa hài cốt về làng.

Tại làng, chú tôi gặp cái Tín, cô bé mồ côi trước đã từng học thuộc lâu bài « Thày Tử Lộ nhà nghèo ngày ngày phải đi đội gao thuê lấy tiền nuôi mẹ... »

Theo lời chú tôi kể thì ngày nay Tín đã là nữ cán bộ của Đảng có chân trong ban chấp hành huyện Lý Nhân.

Gặp Tín chú tôi hỏi :

- Thế nào cô Tín, cô còn thuộc bài « Thày Tử Lộ » không ?

Tín cười rất chính trị, nhú lông mày suy nghĩ giây lâu rồi hỏi lại :

- Bài « Thày Tử Lộ » nào ạ ?

- Bài mà ngày bé cô học thuộc lâu nhất.

- Trời ! Cái học ngày xưa sao mà lạc hậu chú nhỉ ?

Tuy chú Ba không nói nhưng tôi hiểu câu chuyện trên đã là một trong những động cơ chính thúc đẩy chú ra đi. Nữ cán bộ Tín tưởng đã tìm thấy một chân lý cao rộng hơn nên bỏ quên chuyện « Thày Tử Lộ », nhưng chú tôi thì lại cho rằng phải nhớ chuyện « Thày Tử Lộ » mới có đủ đức thông cảm mà noi tới chân lý.

Tôi thực không bao giờ ngờ lại được gặp chú Ba ở thủ đô miền Nam nước Việt tự do này. Chú Ba đến chiếu sáng hồn tôi một niềm vui rộng lớn. Được gần chú Ba, được gần Tiếng Địch Quê Hương tôi như được sống dạt dào lưu luyến trong một thể quân bình hiếm có của đạo đức và tình cảm. Tôi chợt nảy ra ý kiến ghi lại giai điệu Tiếng Địch Quê Hương rồi làm thêm phần hòa âm ở dưới để ban nhạc sinh viên chúng tôi sẽ trình diễn tại đài quốc gia.

Trước đây tôi đã từng nghiên cứu kỹ hòa âm trong các bản hợp tấu lớn Tây phương.

Bản đại hợp tấu thứ tám của Schubert (Symphonie n08 Inachevée) đã gợi lên những hình ảnh lãng mạn của đôi mắt chìm trong mơ, của tà áo lụa phất phơ trong gió chiều, của mái tóc mềm xõa xuống vàng trán đẹp.

Tôi cũng nghĩ đến bản đại hợp tấu thứ chín của Beethoven (Symphonie avec choeurs) trong đó có khúc Adagio Molto E Cantabile. Khúc này đã nhắc tôi nhớ tới giọng vàng quý giá của một nữ danh ca Bắc Việt khi ngâm Kiều đến đoạn chàng Kim lẩn sang vườn Thúy :

Vội sang vườn Thúy dò la
Nhìn xem phong cảnh nay đã khác xưa
Đầy vườn cỏ mọc lau thưa
Song trắng quanh quẽ vách mưa rã rời
Trước sau nào thấy bóng người
Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông.

Phải, tôi nhớ lắm :

Ở đoạn đầu khúc này, người ta nghe thấy violon thứ nhất nỉ non kể lễ nỗi niềm tâm sự; violon thứ hai cùng alto thương cảm nghẹn ngào; violoncelle như một bóng dăng đặc ưu tư chỉ biết thở dài rồi gạt thẳm giọt lệ.

Không, tình cảm Tiếng Địch Quê Hương của chú Ba không lãng mạn u huyền như Symphonie Inachevéve của Schubert mà cũng không đau đớn nặng sắc thái cá nhân như khúc Adagio Cantabile của Beethoven.

Nghe Tiếng Địch Quê Hương tôi liên tưởng tới nỗi buồn man mác trong ca dao :

Đêm qua ra đứng bờ ao,
Trông cá cá lặn, trông sao sao mờ.
Buồn trông con nhện giăng tơ,
Nhện ơi, nhện hỡi nhện chờ mối ai.
Buồn trông chênh chếch sao mai,
Sao ơi sao hỡi nhớ ai sao mờ.

Tôi liên tưởng đến một tâm tình mang nặng u hoài muôn thuở :

Đêm đêm tưởng giải Ngân Hà, Chuôi sao Tinh Đẩu đã ba năm tròn. Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn, Tào Khê nước chảy hã còn trơ trơ.

Đó là mối u hoài của một tâm hồn đã có định hướng thiết tha muốn hòa đồng cùng vũ trụ.

Tôi cần nói rõ vậy để bạn hiểu cho việc xây dựng một hòa âm mà làm nổi bật những đặc tính đó của Tiếng Địch Quê Hương thực khó khăn biết chừng nào ! Tôi sửa soạn liên miên trong hai tháng - ngay cả khi ngủ, tiềm thức tôi hầu như cũng làm việc. Sau cùng tôi thức trắng ba đêm liền để thực hiện hòa âm đó.

Chính chú Ba đích thân thổi ống địch trong các buổi hòa tấu.

Còn nhớ hồi bảy giờ chiều Ba mươi Tết năm ngoái - Tết đầu tiên của người di cư - trong một buổi phát thanh đặc biệt về « Xuân Chuyên Hướng » của đoàn Sinh viên Đại học Hà Nội, chúng tôi có trình bày lần đầu tiên trên đài Sài Gòn bản nhạc Tiếng Địch Quê Hương. Chương trình đặc biệt này hằng ngày được nhắc nhở báo trước một tuần liền.

Tuy toàn ban nhạc chúng tôi đã tập dượt kỹ trong nửa tháng, mà đến lúc cho thu vào băng cũng phải thu đi thu lại tới lần thứ ba mới hoàn toàn.

Sau đó tôi có nhận được rất nhiều thư của các bạn khắp nơi gửi về khen ngợi.

Một số các bạn cho chúng tôi hay rằng tiếng địch băng khuông đó đã ám ảnh các bạn suốt mấy tháng ròng.

Một số các bạn khác khen tôi đã biết dung hòa để phát huy dân tộc tính. Tiếng địch một nhạc khí hoàn toàn Á Đông đi bè chính trong khi tất cả nhạc cụ Tây phương khác đi phần đệm.

Có một bạn đã tả buổi hòa nhạc ấy một cách thật văn nghệ như sau :

« Tiếng địch nghe bồi hồi man mác như muốn vươn lên cao, ôm lấy sao Ngưu, sao Đẩu, trong khi phần đệm rì rầm như tiếng gió đầu thu đến khơi niềm xao xuyến trong hoa lá. »

Chính là để tạ lại tấm thịnh tình đáng quý của các bạn yêu nhạc bốn phương mà chúng tôi cho thu vào băng trước Tiếng Địch Quê Hương để chuẩn bị phần nhạc tất niên cho Đài Quốc gia, cũng vào hồi bảy giờ chiều Ba mươi Tết năm nay.

Vẫn ban nhạc sinh viên của chúng tôi trình bày phần đệm theo hòa âm vĩ. Vẫn chú Ba tôi đích thân thổi địch.

Chiều Ba mươi Tết.

Bóng tối bắt đầu bao trùm lấy mây giờ chuyển dịch cuối cùng của năm cũ sắp qua.

Chú Ba, ý hẳn để giấu nỗi lòng xao xuyến, đã bỏ tôi ở nhà một mình và ra đi, chẳng biết lang thang nơi nao, ngay sau bữa cơm chiều.

Xuân này là Xuân chia cắt thứ hai của đất nước.

Vết thương dân tộc không vì thời gian mà lành, trái lại hẳn máu càng thêm đỏ. Tôi cúi đầu ngòì lặng trước bàn thờ tổ tiên, khói hương nghi ngút. Không một bóng điện bật lên - tôi muốn thế - trừ ánh điện nhỏ của chiếc radio đặt trên ghé đầu kê sát bàn thờ mà tôi vừa bật lên để đón nghe Tiếng Địch Quê Hương.

Đồng hồ nhà hàng xóm vừa dứt tiếng thứ bảy Tiếng Địch Quê Hương cũng vừa nổi lên.

Tiếng địch trầm hùng bát ngát như tiếng hồn bất diệt của dân tộc hiền hòa và mãnh liệt.

Tiếng địch thổi vào hồn tôi và hồn tôi như tan ra, hòa vào với vũ trụ để được gặp hồn ông cha.

Vũ trụ bất diệt !

Hồn tổ tiên tôi bất diệt !

Dân tộc tôi bất diệt !

Niềm U Hoài của Doãn Quốc Sỹ hay Cái Hữu Hạn trong Cái Không Cùng

Tôi ghét hữu hạn và khao khát vô biên.

DOÃN QUỐC SỸ (U Hoài)

Hãy ngó vào những nhân vật của Doãn Quốc Sỹ là Huy, Khanh, Ngọc (U Hoài) hay Tùng,

Nga (Chàng Nhạc Sĩ) hay chú Ba và « cái tôi » của tác giả (Tiếng Địch Quê Hương) họ vẫn chỉ là những biến dạng của nhau, cốt không thay đổi. Điều ấy thấy rõ ở những nhân vật chính : Huy đuổi theo màu xanh huyền ảo của sơn mài và khuôn mặt u buồn, sau rốt gặp lại ở Ngọc; Tùng đuổi theo những âm thanh thuần túy tưởng ở ngoài cuộc đời lại gặp nó chính giữa cuộc đời; Chú Ba ghi qua tiếng sáo những nỗi quặn quại của đời mình mà ở đây tác giả tìm thấy âm thanh của quê hương. Con người ở Huy là con người ở Tùng và trầm xuống sâu sắc hơn ở chú Ba. Những nhân vật ấy (Huy, Tùng, Chú Ba) hình như đi bên cạnh cuộc đời hay ra ngoài cuộc đời hay để cuộc đời trôi qua mình cũng thế. Tùng nói : « Tôi ghét hữu hạn và khao khát vô biên. »

Huy không bao giờ hoàn thành tác phẩm « U Hoài » vì chàng nhận thấy : « U hoài càng tuyệt vời khi thỉnh thoảng từ chôn lẳng đọng sâu thẳm ấy xao động lên thành một vài cử chỉ trữ tình, một vài câu thơ trữ tình, một vài đường nét, màu sắc trữ tình (như bức sơn mài, chàng vẽ Khanh uốn mình trong màu xanh ngọc của trắng nước bao la). » Một tác phẩm nói hết nỗi u hoài ngàn đời của dân tộc là không tưởng và phi lý.

Đi tìm cái vô biên cuối cùng, Doãn Quốc Sỹ trở về cái hữu hạn. Nằm trong hữu hạn, Doãn Quốc Sỹ trở về cái hữu hạn. Nằm trong hữu hạn, Doãn Quốc Sỹ vẫn say mê như ném mình vô biên, vì Doãn Quốc Sỹ nghĩ đã tìm thấy cái không cùng trong cuộc đời biên giới :

« Người nằm trong màn chú mộng có nằm trong màn đầu mà cần mộng lớn thì màn lớn. »

Có người vội vàng trách cái dễ dãi của Doãn Quốc Sỹ khi để cho nhân vật mình quay về với cuộc đời (từ cái u hoài qua khuôn mặt Khanh đến cái u hoài của dân tộc gần cách quá lớn và biến đổi quá mau ở Huy). Hãy ngó sâu vào nhân vật sẽ thấy nó trong suốt. cuộc đời với nhân vật trong một giai đoạn hoàn cảnh nào đó không ở cạnh, ở ngoài (đoạn trên tôi dùng hai chữ hình như) mà chỉ tạm được đặt vào giữa hai cái dấu ngoặc. Khi cần đến với trực giác bén nhạy nhân vật vẫn hoàn toàn nằm giữa cuộc đời. Cái thái độ đặt cuộc đời giữa hai

cái dấu ngoặc khác với trốn tránh. Đặt trong dấu ngoặc là vẫn nhận rằng sự vật hiện hữu nhưng trong một thế sống nào đó mình không cần đến nó hoặc nó không cần đến mình.

Vì đặt cuộc đời giữa hai dấu ngoặc nên khi trở về sẽ tức thời mau chóng. Người khó tính - ảnh hưởng dày vò Tây phương - sẽ bất mãn vì không thấy ở Doãn Quốc Sỹ cái tâm trạng xấu xí của sự chọn lựa (L'embarras du choix) mà người ta tưởng bắt buộc phải có.

Doãn Quốc Sỹ cố gắng nắm lấy cái không cùng và cái hữu hạn trong một lúc nên Doãn Quốc Sỹ hồn nhiên. Giữa thế giới hôm nay cái hồn nhiên của ông có thể là một sự thách thức táo bạo - vì nếu tôi không nhầm xu hướng tư tưởng gần đây đã chủ trương « chúng ta phạm tội vì sự hồn nhiên ». Kết luận :

Từ Sợ Lửa qua U Hoài, người ta thấy Doãn Quốc Sỹ không ngừng vùng vẫy giữa cái hữu hạn và cái vô cùng những điều kiện của đời người - và ông đã vững để khởi tạo một thế giới riêng - điều kiện của một nhà văn - mà nghệ thuật dưới ngòi bút ông (nhất là hành văn) đã không phản nghịch ông.

MỸ LÝ

(Thế Hệ số 4 tháng 10, 1957)

TIỂU SỬ

Tên thật là Doãn Quốc Sỹ. Ông sinh ngày 17 tháng 02 năm 1923 (nhằm ngày mừng Hai Tết Quý Hợi) tại xã Hạ Yên Quyết, Hà Đông, ngoại thành Hà Nội. Thuở còn là thanh niên, ông đã từng tham gia Việt Minh kháng chiến chống Pháp. Sau đó, khi phong trào này để lộ bộ mặt cộng sản, ông đã rời bỏ kháng chiến. Vào năm 1946, ông lập gia đình với bà Hồ Thị Thảo là ái nữ của nhà thơ trào phúng Tú Mỡ Hồ Trọng Hiếu. Năm 1954, khi hiệp ước Geneva chia đôi đất nước, ông theo làn sóng di cư đem vợ con vào miền Nam sinh sống.

Doãn Quốc Sỹ có hai sự nghiệp song song là nhà văn và nhà giáo. Ông vẫn thường nói rằng : « Nhà giáo là nghề, nhà văn là nghiệp. » Trong cương vị nhà giáo, ông đã dạy tại các trường Trung học Công lập Nguyễn Khuyến (Nam Định, 1951-1952), Chu Văn An (Hà Nội), Hồ Ngọc Cẩn (Sài Gòn 1961-1962), Trường Sư phạm Sài Gòn, Đại học Văn khoa Sài Gòn, Đại học Vạn Hạnh Sài Gòn. Ông từng là hiệu trưởng trường Trung học Công lập Hà Tiên (1960-1961) và từng đi tu nghiệp về sư phạm tại Hoa Kỳ (1966-1968). Với cương vị nhà văn, ông là đồng sáng lập viên nhà xuất bản Sáng Tạo và tạp chí văn nghệ cùng tên vào năm 1956 cùng với Mai Thảo, Nguyễn Sỹ Tế, Thanh Tâm Tuyền, Trần Thanh Hiệp, Duy Thanh, Ngọc Dũng mà ông vẫn gọi là

« Thất Tinh ». Ông cũng có những bài viết được đăng trên những tạp chí văn nghệ như Sáng Tạo, Văn Nghệ, Bách Khoa, Văn Học, Nghệ Thuật...

Sau ngày Miền Nam thất thủ 30/04/1975, vào tháng Tư năm 1976, Doãn Quốc Sỹ cùng nhiều nhà văn Miền Nam khác bị bắt đi tù cải tạo. Ông bị giam tại trại Gia Trung, cách thành phố Pleiku 25 km, cùng với nhiều văn nghệ sĩ khác như Trần Dạ Từ, Thanh Thương Hoàng, Sơn Điền Nguyễn Việt Khánh, Nguyễn Sỹ Tế, Chóe... Đến năm 1980, ông được thả tự do nhờ sự can thiệp của nhiều tổ chức quốc tế. Trong thời gian chờ đợi được người con gái đầu bảo lãnh đi Úc, ông tiếp tục viết thêm một số tác phẩm nữa, trong đó có quyển « ĐI » được ký với bút hiệu Hồ Khanh. Ông đã gửi tác phẩm này sang Pháp, để xuất bản tại hải ngoại. Cũng vì lý do này, ông đã bị bắt lần thứ hai vào tháng 5 năm 1984, chỉ trước ngày đi Úc vài tháng, cùng với một số văn nghệ sĩ khác như Duy Trác, Dương Hùng Cường, Hoàng Hải Thủy, Lý Thụy Ý... Ông bị kết án mười năm tù. Ông mãn hạn tù lần thứ hai vào tháng 11 năm 1991.

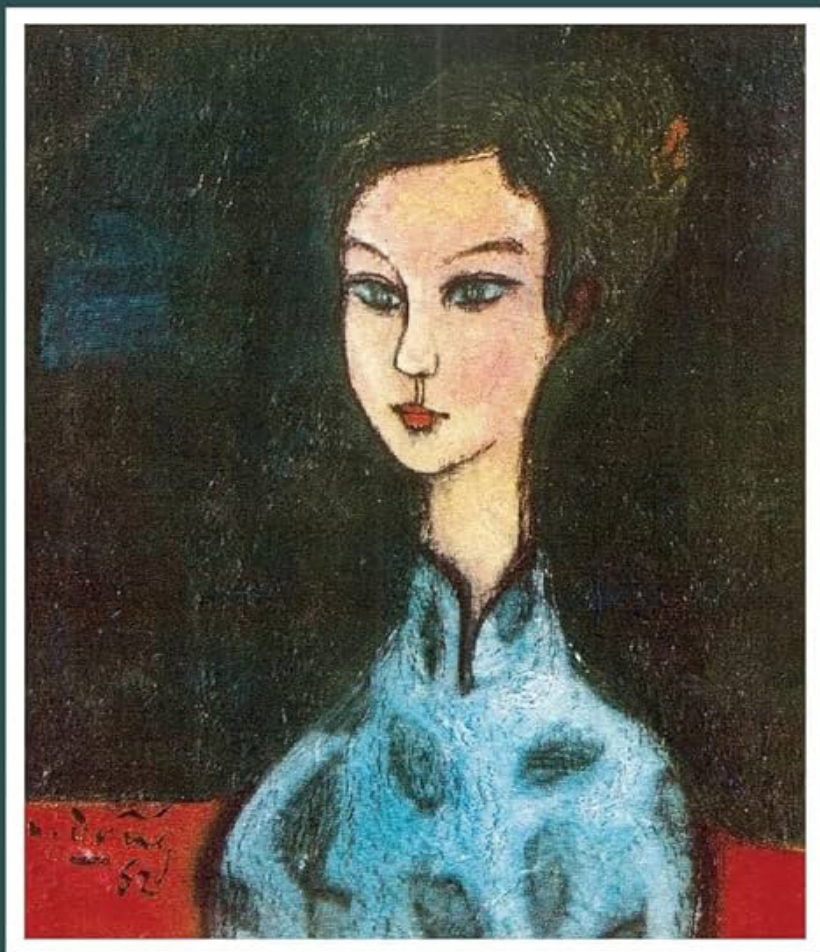
Năm 1995, ông được người con trai trưởng bảo lãnh di dân sang Houston, Hoa Kỳ. Hiện nay, ông đang sống tại Quận Cam, California.

TÁC PHẨM

- SỢ LỬA (Truyện cổ tích, 1956)
U HOÀI (Truyện ngắn, 1957)
GÁNH XIẾC (Truyện ngắn, 1958)
GÌN VÀNG GIỮ NGỌC (Truyện ngắn, 1959)
DÒNG SÔNG ĐỊNH MỆNH (Truyện dài, 1959)
KHẢO LUẬN VỀ CAO BÁ QUÁT (1959)
KHẢO LUẬN VỀ NGUYỄN CÔNG TRÚ (1959)
KHẢO LUẬN VỀ ĐOẠN TRƯỜNG TÂN THANH (1959)
KHẢO LUẬN VỀ TẢN ĐÀ (1960)
KHẢO LUẬN VỀ NGUYỄN KHUYẾN (1960)
KHẢO LUẬN VỀ TRẦN TẾ XƯƠNG (1960)
TỰ LỰC VĂN ĐOÀN (Khảo luận, 1960)
HỒ THUYỀN DƯƠNG (Truyện cổ tích, 1960)
BA SINH HƯƠNG LỬA (Khu Rừng Lau I, 1962)
NGƯỜI ĐÀN BÀ BÊN KIA VĨ TUYẾN (Khu Rừng Lau II, 1964)
TÌNH YÊU THÁNH HÓA (Khu Rừng Lau III, 1965)
NHỮNG NGẢ SÔNG (Khu Rừng Lau IV, 1966)
TRÁI CÂY ĐAU KHỔ (Kịch, 1963)
KHẢO LUẬN VỀ NGỮ PHÁP VIỆT NAM (1964)
NGƯỜI VIỆT ĐÁNG YÊU (Khảo luận, 1965)
CÁNH TAY NỔI DÀI (Truyện ngắn, 1966)
ĐÓT BIÊN GIỚI (Truyện dài, 1966)
CA DAO NHI ĐỒNG (Biên khảo, 1969)
TUYỂN TẬP VĂN CHƯƠNG NHI ĐỒNG (Biên khảo, 1969)
THẦN THOẠI ÁN ĐỘ (Biên khảo, 1969)
NGỤ NGÔN (Biên khảo, 1969)
VÀO THIỀN (Tùy bút, 1970)

SÀU MÂY (Truyện dài, 1970)
CON CÁ MẮC CẠN (Truyện ngắn, 1971)
TRÁI ĐẮNG TRƯỜNG SINH (Truyện ngắn, 1971)
CÚI ĐẦU (Tân truyện, 1972)
THẦN THOẠI NHẬT BẢN, CHÂU ĐẠI DƯƠNG,
HY LẠP, BẮC ÂU (Biên khảo, 1972)
THẦN THOẠI VIỆT NAM-TRUNG HOA (Biên khảo, 1972)
VĂN HỌC VÀ TIỂU THUYẾT (Biên khảo, 1972)
CON KỶ LÂN CUỐI CÙNG
(Truyện dịch, The Last Unicorn của Peter S. Beagle, 1973)
ĐI (Truyện dài, 1982)
MÌNH LẠI SOI MÌNH (Truyện dài, 1995)
NGƯỜI VẢI TÚ PHƯƠNG (Truyện dài, 1995)
DẤU CHÂN CÁT XÓA (Truyện dài, 1995)
CÒ ĐÙM (Truyện dài, 1997)

tranh sơn dầu
cổ họa sĩ NGỌC DŨNG
(1931 - 2000)



9781716720406